



CHI CỤC THỐNG KÊ
TP CẦN THƠ

SỔ LIỆU

KINH TẾ - XÃ HỘI
TP CẦN THƠ

THÁNG 5 VÀ
5 THÁNG ĐẦU
NĂM 2025



<https://cucthongkecantho.gso.gov.vn>

MỤC LỤC

❑	Những nét chính kinh tế - xã hội thành phố Cần Thơ.....	1
❑	Một số chỉ tiêu chủ yếu tháng 5 và 5 tháng năm 2025.....	3
❑	Nông nghiệp và thủy sản.....	4
❑	Công nghiệp.....	5
❑	Giải ngân vốn đầu tư công.....	7
❑	Tình hình hoạt động doanh nghiệp.....	8
❑	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng.....	10
❑	Vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải.....	12
❑	Chỉ số giá tiêu dùng, giá vàng và Đô la Mỹ.....	14
❑	Thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn.....	16
❑	Ngân hàng.....	18
❑	Xuất, nhập khẩu hàng hóa.....	19
❑	Tai nạn giao thông, phòng chống cháy nổ.....	20
❑	Tình hình dịch bệnh.....	21
❑	Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội quý I năm 2025.....	22
❑	Dân số trung bình TP. Cần Thơ ước 2024.....	23
❑	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP).....	24
❑	Số liệu KT-XH 6 TP trực thuộc Trung ương.....	27



NHỮNG NÉT CHÍNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ CẦN THƠ



Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trong tháng tập trung chủ yếu gieo trồng rau màu và lúa hè thu. Chăn nuôi lợn và gia cầm phát triển ổn định, dịch bệnh được kiểm soát. Sản lượng thủy sản và khai thác đều tăng so với cùng kỳ; các ngành chức năng tăng cường công tác giám sát giá cả đầu vào vật tư nông nghiệp, giúp ổn định giá cả, bảo đảm chất lượng vật tư, phân bón, thức ăn gia súc, tạo sự an tâm cho nhà nông.



Tháng 5/2025, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp có xu hướng tăng trưởng so với tháng trước và so với cùng kỳ. Mức tăng chưa cao nhưng đã thể hiện tinh thần quyết tâm, nỗ lực vượt khó của cộng đồng doanh nghiệp và các hộ kinh doanh; sự hỗ trợ tích cực, trách nhiệm của các cấp, các ngành nhằm giúp các thành phần kinh tế vượt qua khó khăn, ổn định phát triển. Tính chung 5 tháng đầu năm 2025, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng 6,06% so với cùng kỳ.



Tháng 5 năm 2025, ước cấp mới đăng ký kinh doanh cho 136 doanh nghiệp các loại hình, giảm 46,03% so với tháng trước, với tổng vốn đăng ký 402,71 tỷ đồng, giảm 83,16% so với tháng trước. Tính chung 5 tháng đầu năm 2025, cấp mới đăng ký kinh doanh cho 805 doanh nghiệp các loại hình, tăng 20,86% so với cùng kỳ, với tổng vốn đăng ký 4.500 tỷ đồng, tăng 6,71% so với cùng kỳ.



Tính đến ngày 26/5/2025, kết quả giải ngân kế hoạch các nguồn vốn đầu tư công xây dựng cơ bản đã giải ngân được 1.658,84 tỷ đồng (*bao gồm cả tạm ứng*), đạt 14,73% so với KH năm, bao gồm: Cấp thành phố giải ngân được 1.096,61 tỷ đồng, đạt 13,46% so với KH; cấp quận, huyện giải ngân được 562,22 tỷ đồng, đạt 18,05% so với kế hoạch.



Tháng 5 năm 2025, hoạt động thương mại duy trì mức tăng trưởng khá, thị trường hàng hóa tương đối ổn định, không có biến động bất thường. Các mặt hàng thiết yếu không có biến động lớn về cung cầu, sức mua tiêu dùng tăng nhẹ, lượng cung hàng hóa trên thị trường dồi dào, đáp ứng nhu cầu, tiêu dùng của người dân và cho sản xuất. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 5/2025, tăng 3,29% so với tháng trước và tăng 13,55% so với cùng kỳ. Tính chung 5 tháng năm 2025 ước đạt 60.174,02 tỷ đồng, tăng 13,66% so với cùng kỳ.



NHỮNG NÉT CHÍNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ CẦN THƠ (tiếp)



Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 5 năm 2025 giảm 0,42% so với tháng trước. Trong đó, có 04/11 nhóm hàng hóa có chỉ số giá giảm so với tháng trước gồm: Đồ uống và thuốc lá giảm 0,03%; Hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,34%; Giao thông giảm 0,62% và Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD giảm 1,52%. Có 04/11 nhóm hàng có chỉ số giá tăng so với tháng trước, gồm: Hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,32%; Thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,08%; Thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,06% và Văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,03%. Còn lại, chỉ số nhóm May mặc, mũ nón, giày dép; nhóm Bưu chính viễn thông và nhóm Giáo dục ổn định so với tháng trước.

Chỉ số giá vàng, đô la Mỹ tháng 5 năm 2025 tăng lần lượt 12,06%, 0,87% so với tháng trước và tăng 53,08%, 2,68% so với cùng kỳ.

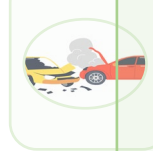


Thu ngân sách nhà nước lũy kế thực hiện đến ngày 25/5/2025 đạt 9.530,97 tỷ đồng, tăng 29,48% so với cùng kỳ. Trong đó, thu nội địa đạt 5.738,27 tỷ đồng, tăng 16,16% so với cùng kỳ; Thu cân đối từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 135,79 tỷ đồng, tăng 4,29% so với cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương lũy kế thực hiện đến ngày 25/5/2025 đạt 8.433,60 tỷ đồng, tăng 8,26% so với cùng kỳ, trong đó chi đầu tư phát triển đạt 4.108,17 tỷ đồng, giảm 21,61% so với cùng kỳ.



Tính từ ngày 16/4/2025 đến ngày 15/5/2025, ngành Y tế ghi nhận 47 trường hợp mắc sốt xuất huyết, giảm 15 trường hợp so với tháng trước; tay chân miệng ghi nhận 109 trường hợp mắc, tăng 53 trường hợp so với tháng trước; ghi nhận 110 trường hợp sởi, trong đó có 05 trường hợp có kết quả xét nghiệm dương tính và 105 trường hợp được chẩn đoán lâm sàng; tiêu chảy 666 trường hợp, giảm 4% so với tháng trước.

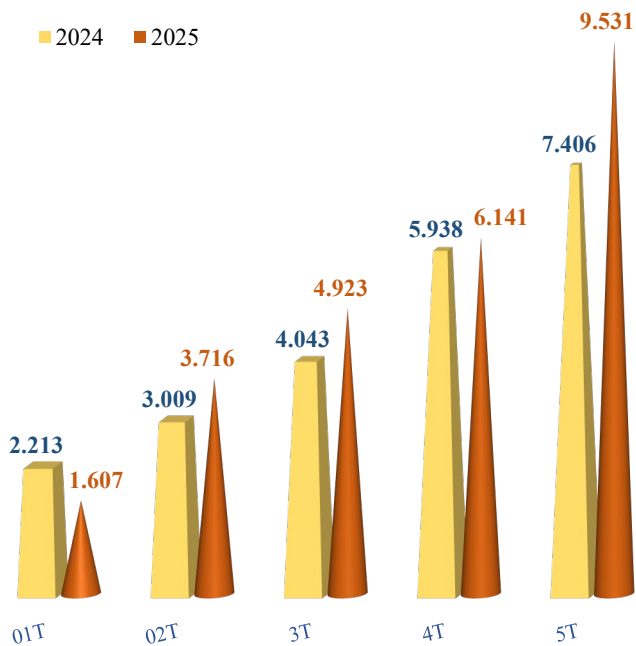


Trên địa bàn thành phố 5 tháng đầu năm 2025, xảy ra 94 vụ tai nạn giao thông, giảm 24,19% so với cùng kỳ, làm chết 6 người, tăng 10,34% và 55 người bị thương, giảm 52,38%; Đồng thời, xảy ra 04 vụ cháy, thiệt hại về tài sản khoảng 172,5 triệu đồng.

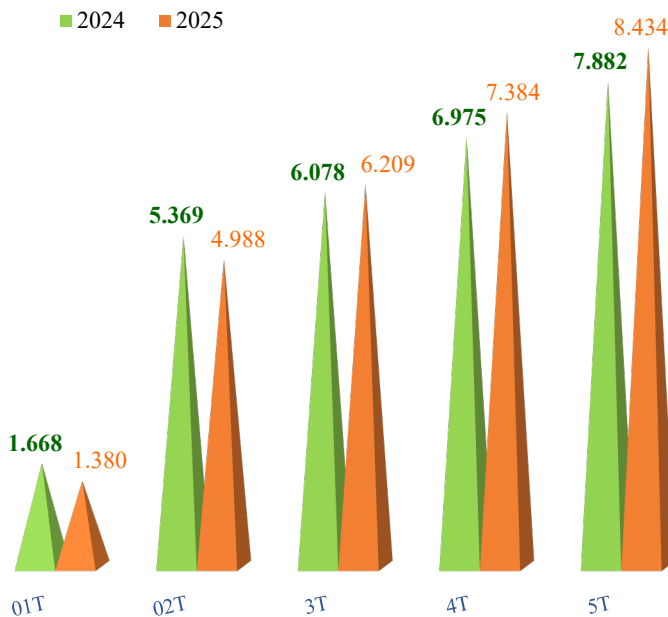


MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU THÁNG 5 VÀ 5 THÁNG NĂM 2025

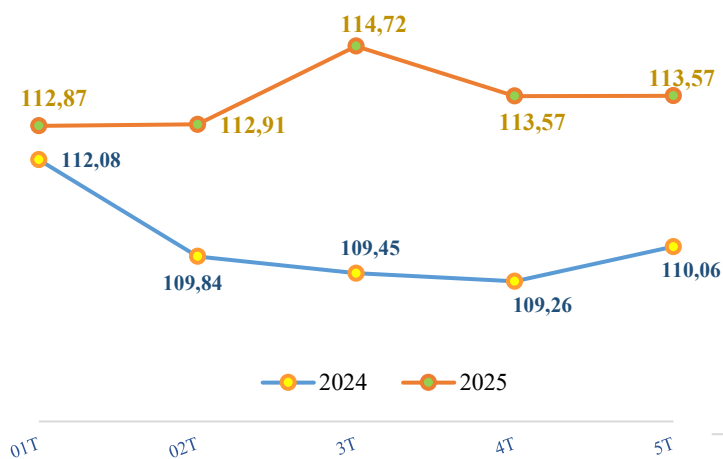
**Tổng thu ngân sách nhà nước
(lũy kế, tỷ đồng)**



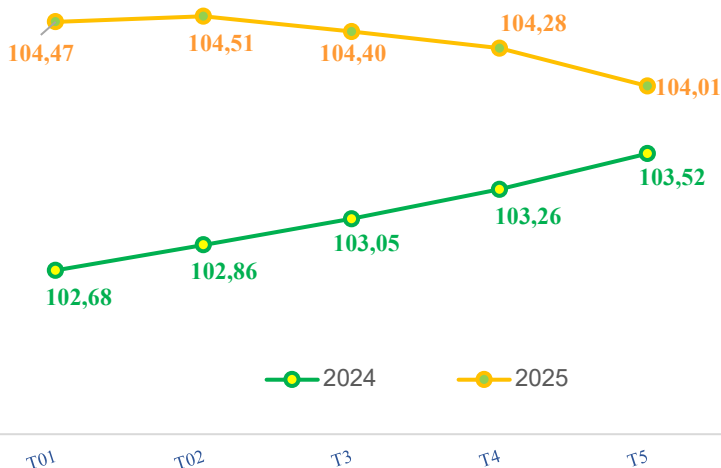
**Tổng chi ngân sách địa phương
(lũy kế, tỷ đồng)**



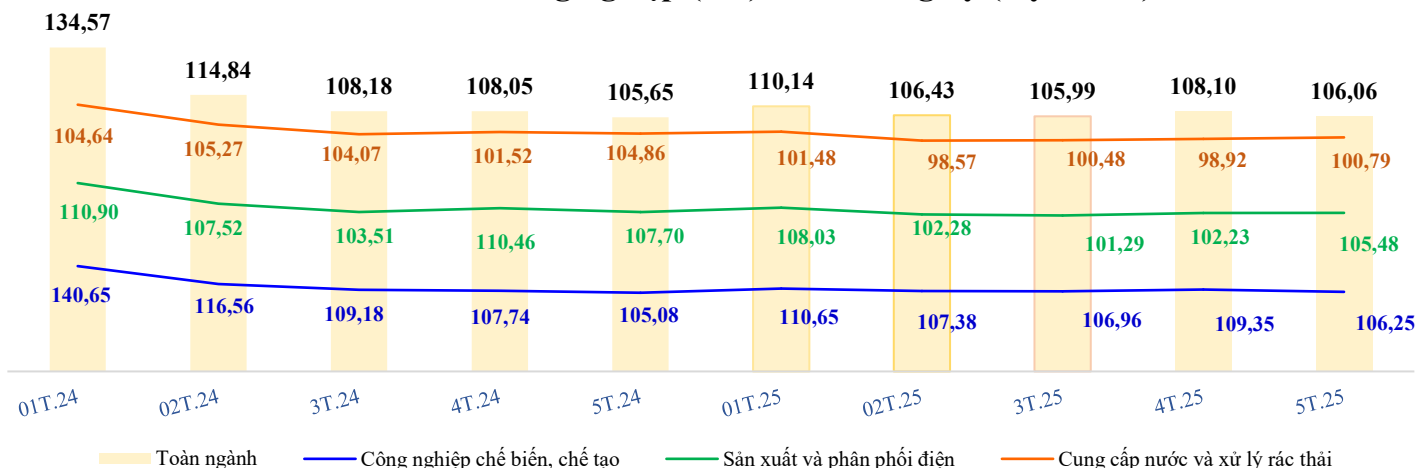
**Tốc độ tăng/giảm Tổng mức bán lẻ và doanh
thu dịch vụ tiêu dùng so cùng kỳ (lũy kế, %)**



**Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cùng kỳ
(lũy kế, %)**

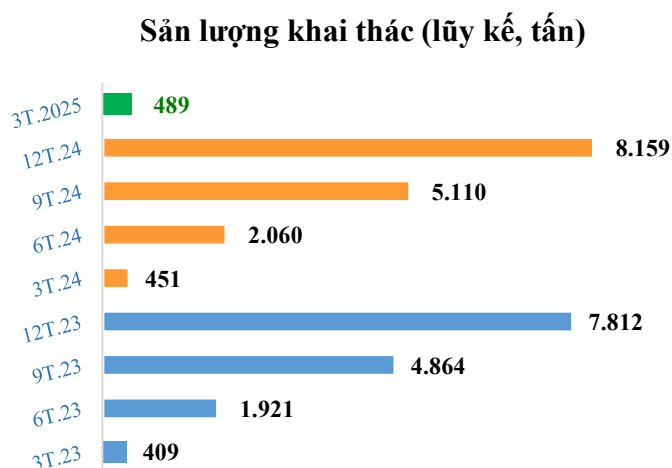
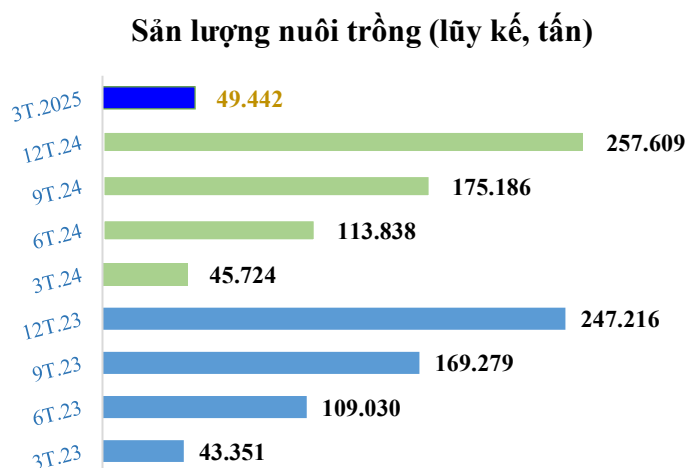
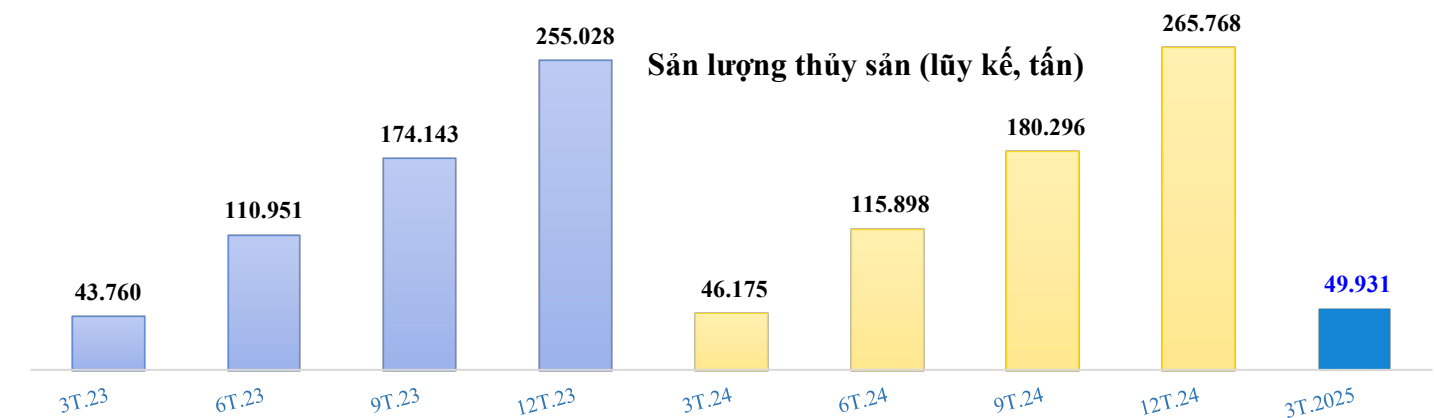
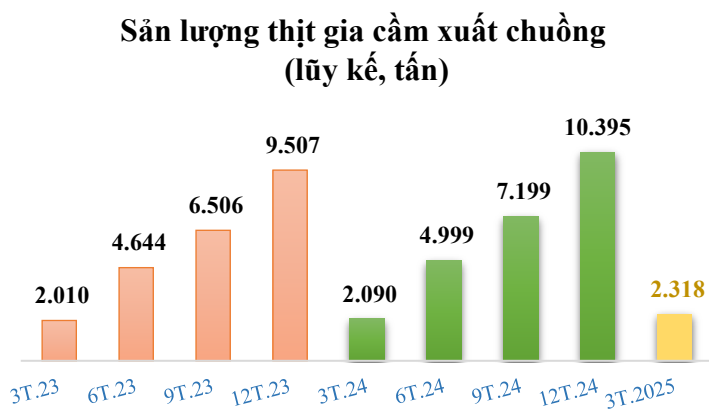
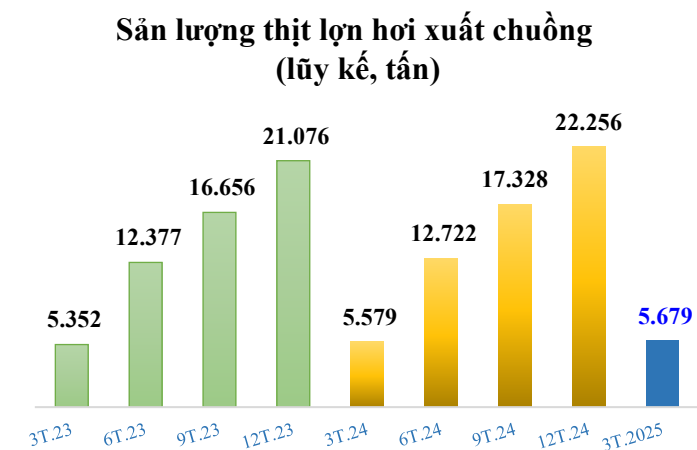
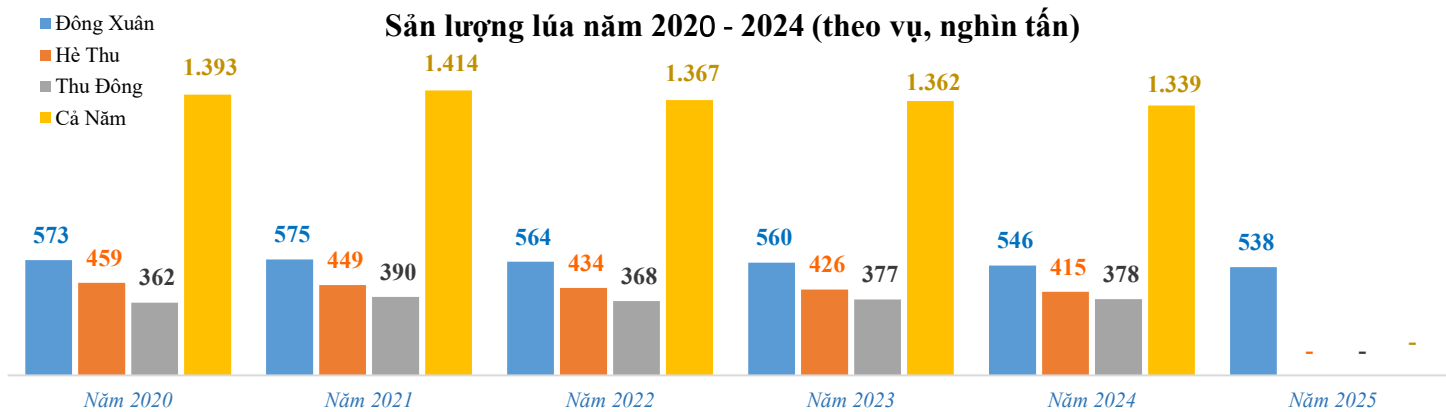


Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với cùng kỳ (lũy kế, %)





NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

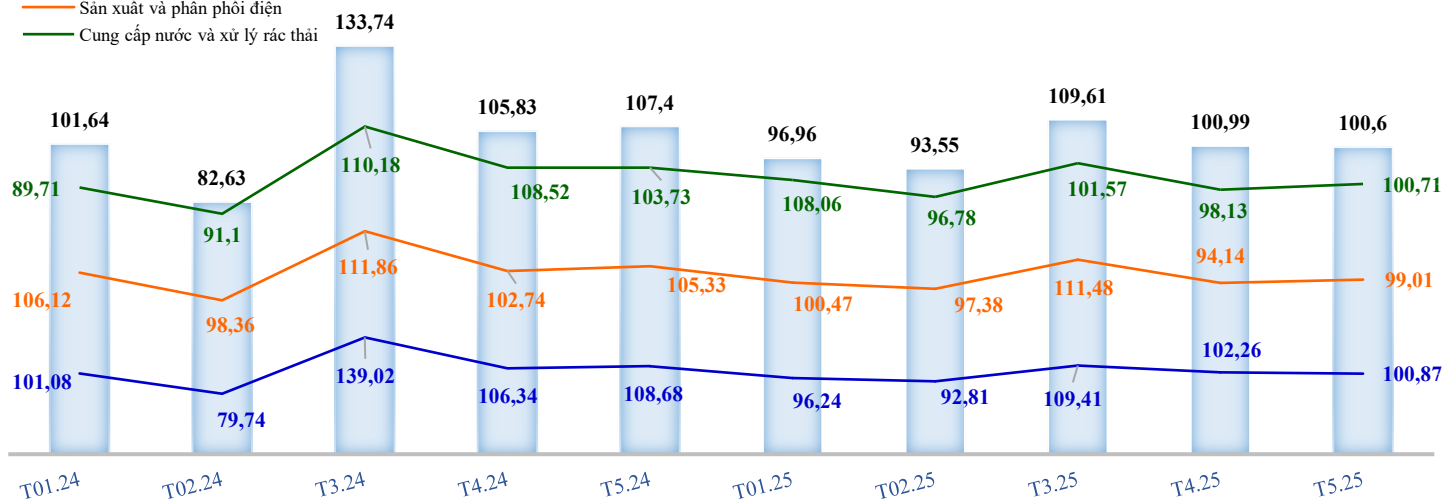




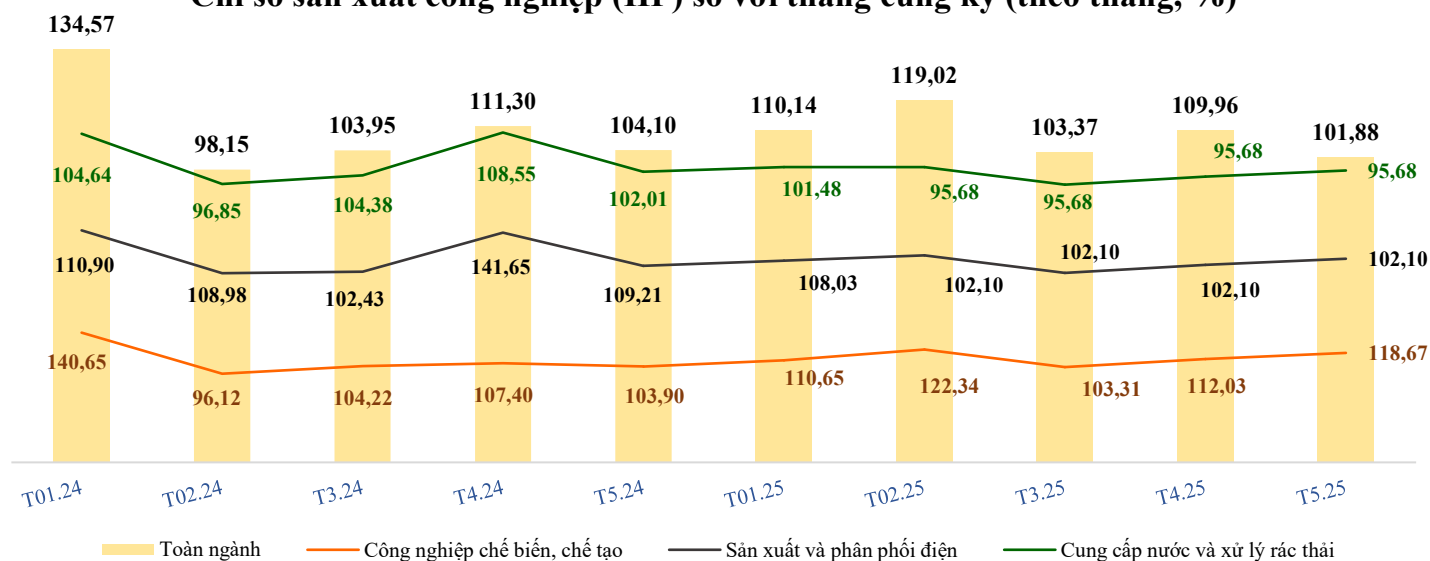
CÔNG NGHIỆP (*)

- Toàn ngành
- Công nghiệp chế biến, chế tạo
- Sản xuất và phân phối điện
- Cung cấp nước và xử lý rác thải

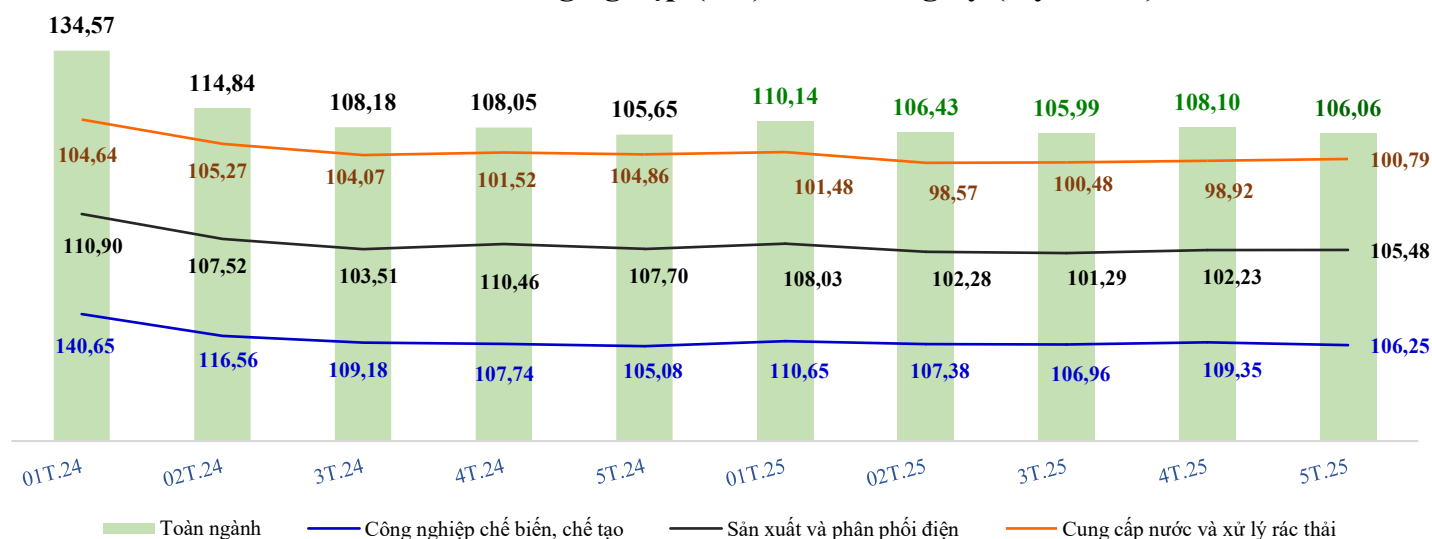
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với tháng trước (theo tháng, %)



Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với tháng cùng kỳ (theo tháng, %)



Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với cùng kỳ (lũy kế, %)



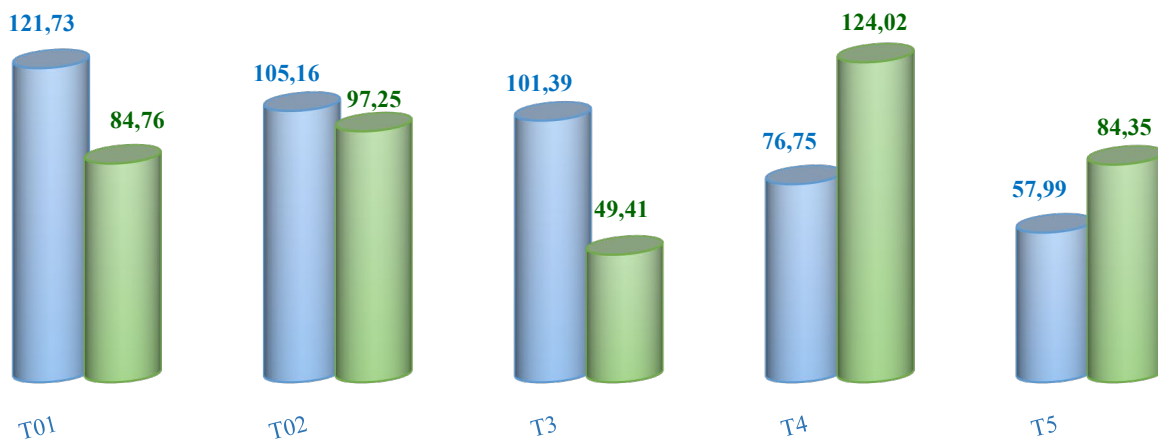
(*) Cập nhật lại dãy số liệu từ tháng 1 - 5/2024 và từ tháng 1 - 4/2025



CÔNG NGHIỆP (tiếp)

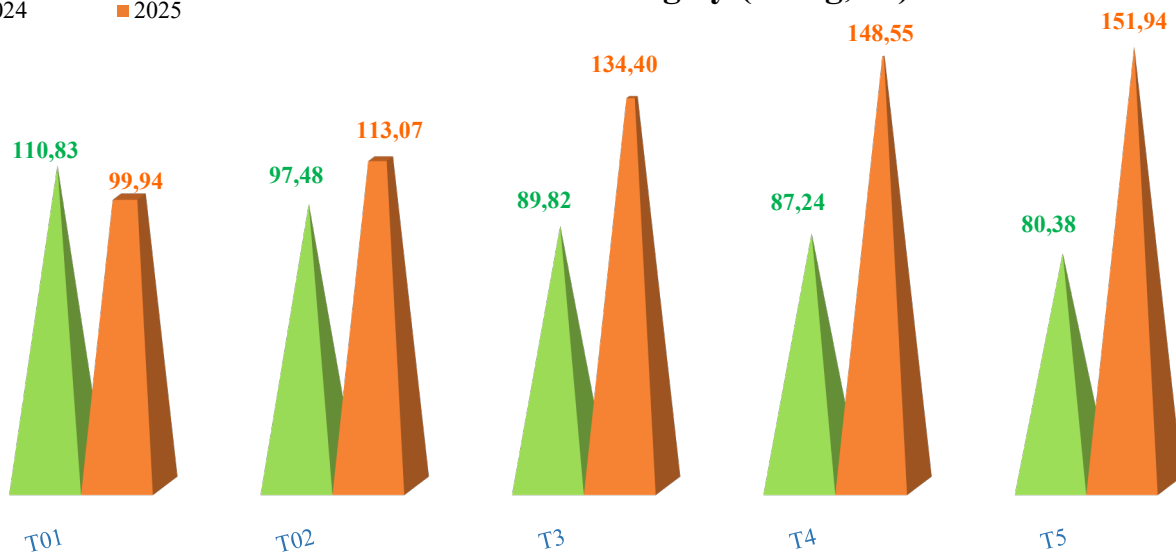
Chỉ số tiêu thụ so với cùng kỳ (tháng, %)

■ 2024 ■ 2025



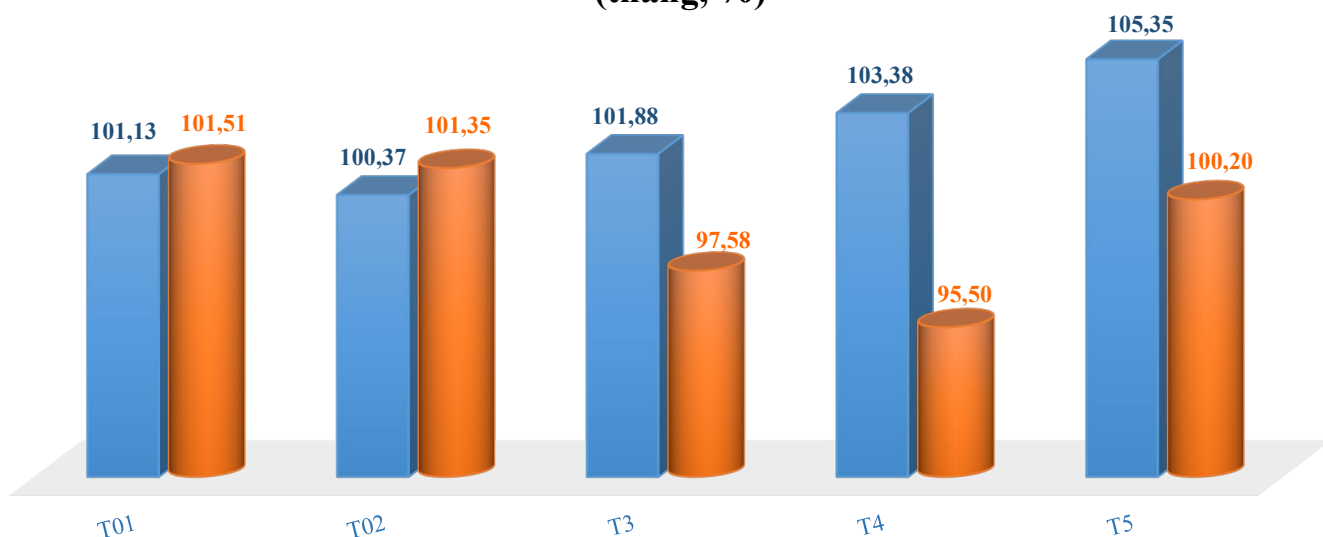
Chỉ số tồn kho so với cùng kỳ (tháng, %)

■ 2024 ■ 2025



Chỉ số sử dụng lao động so với cùng kỳ (tháng, %)

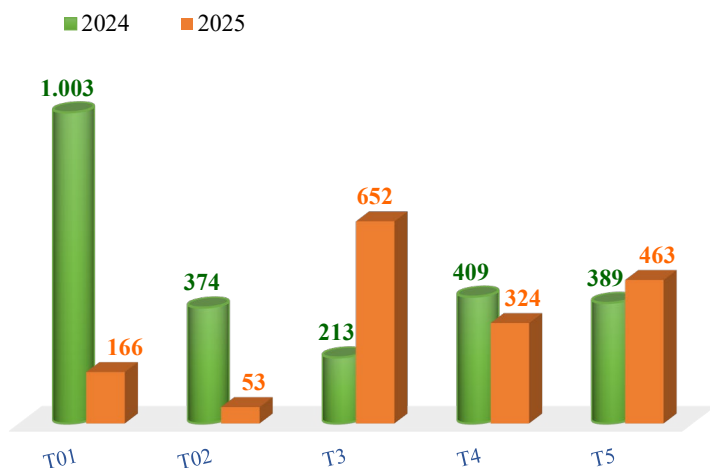
■ 2024 ■ 2025



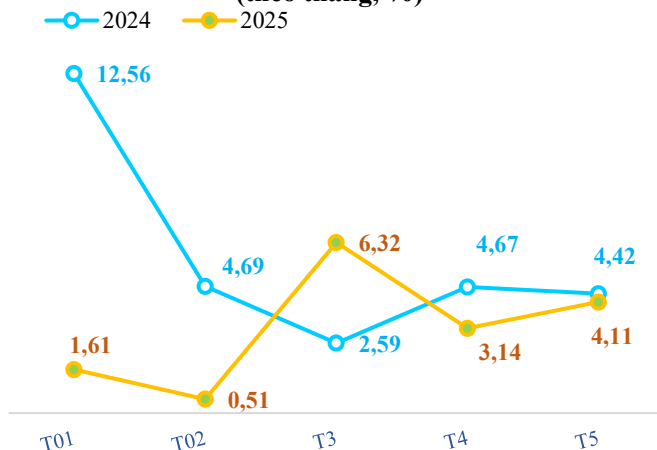


GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG(*)

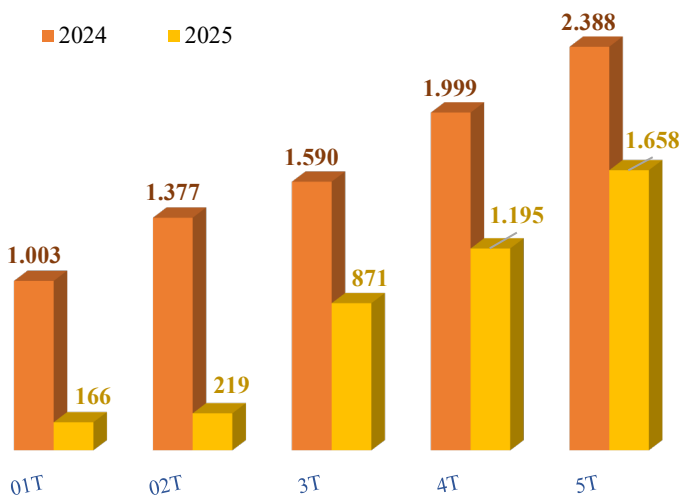
Giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước (theo tháng, tỷ đồng)



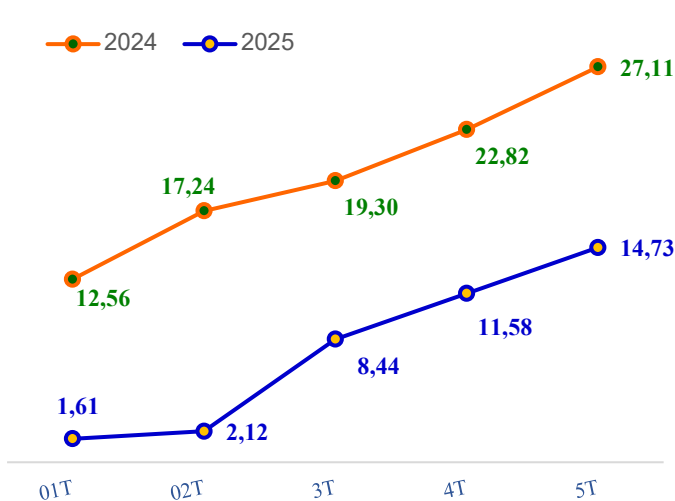
Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước năm 2024 so với kế hoạch (theo tháng, %)



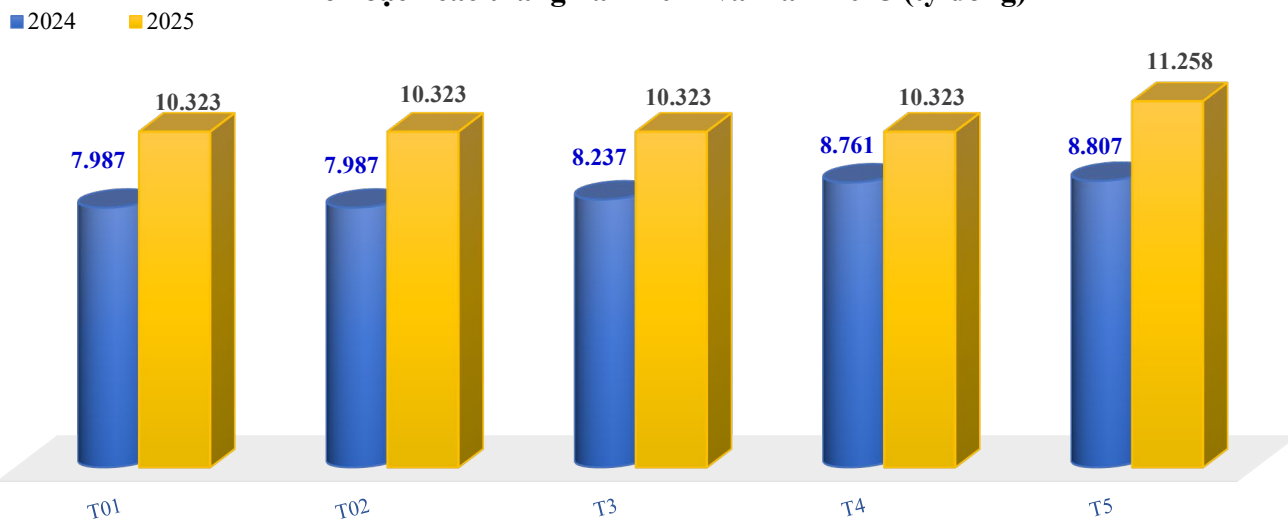
Giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước (lũy kế, tỷ đồng)



Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước so với kế hoạch (lũy kế, %)



Kế hoạch các tháng năm 2024 và năm 2025 (tỷ đồng)

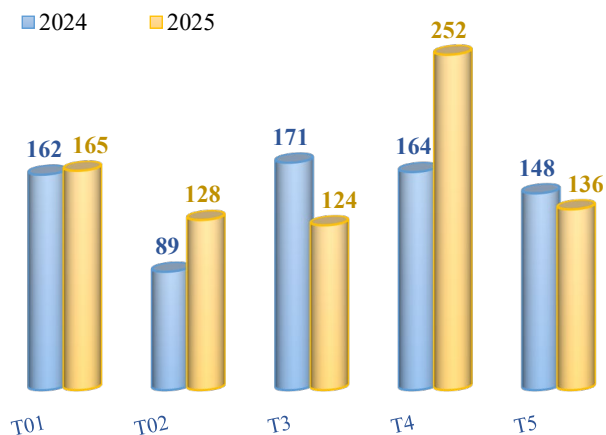


Nguồn: Kho bạc Nhà nước Khu vực XIX

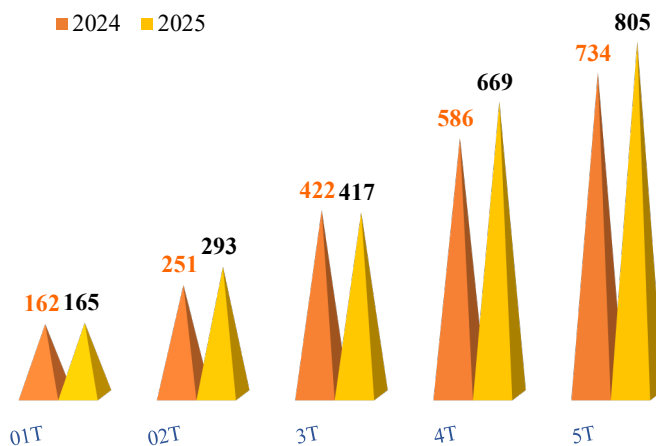
(*) Điều chỉnh số chính thức từ tháng 1/2024 - 12/2024. Riêng tháng 5 số liệu đến ngày 26/5/2025

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP(*)

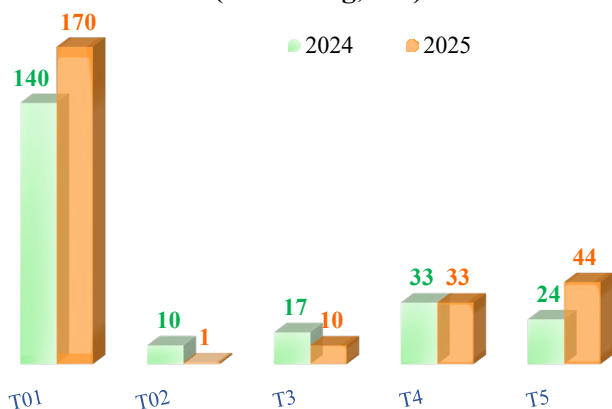
Số doanh nghiệp thành lập mới (theo tháng, DN)



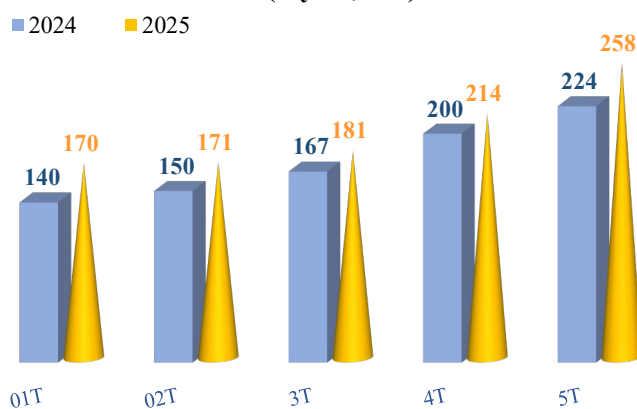
Số doanh nghiệp thành lập mới (lũy kế, DN)



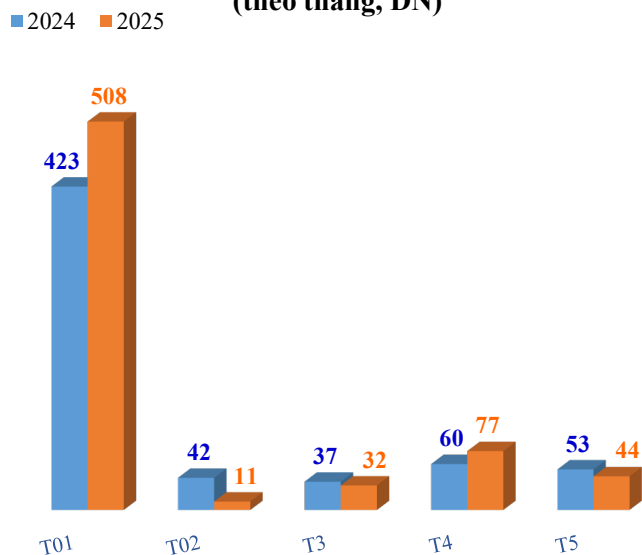
Số DN quay trở lại hoạt động (theo tháng, DN)



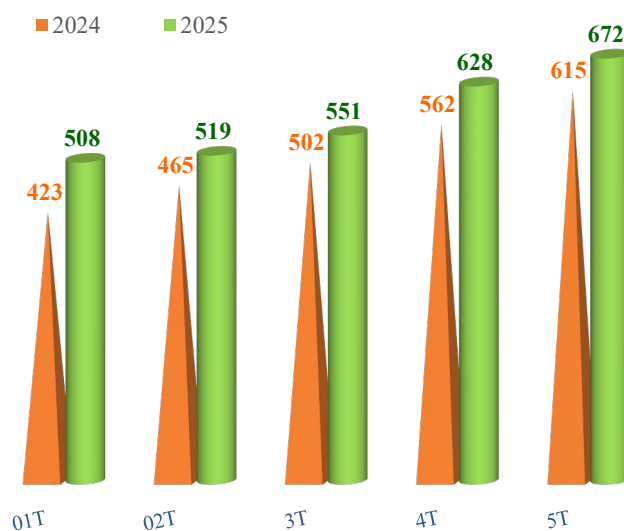
Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động (lũy kế, DN)



Số DN tạm ngưng có thời hạn (theo tháng, DN)



Số doanh nghiệp tạm ngưng có thời hạn (lũy kế, DN)

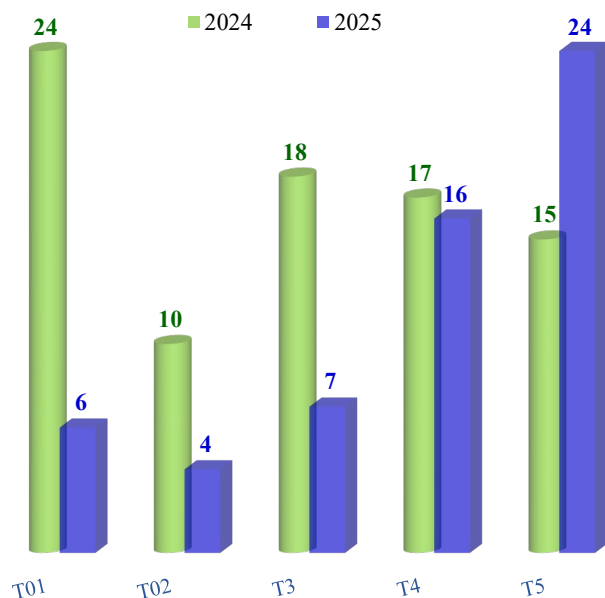


Nguồn: Sở Tài chính thành phố
(*) Cập nhật lại dãy số liệu tháng 2 - 4/2025

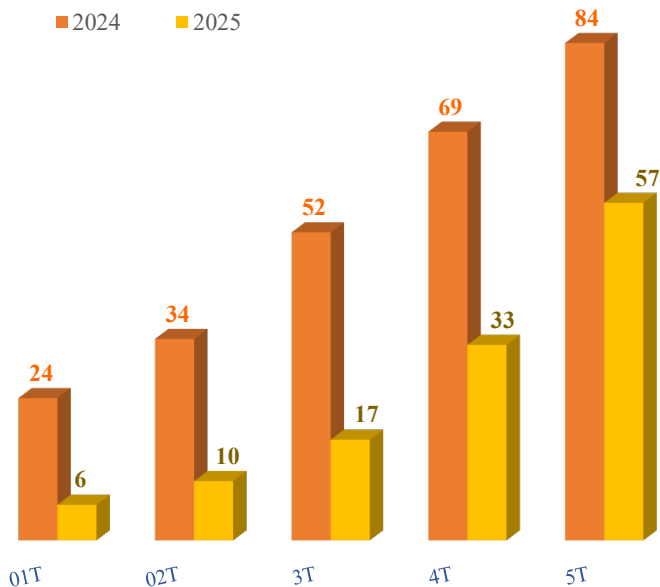


TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP(*) (tiếp theo)

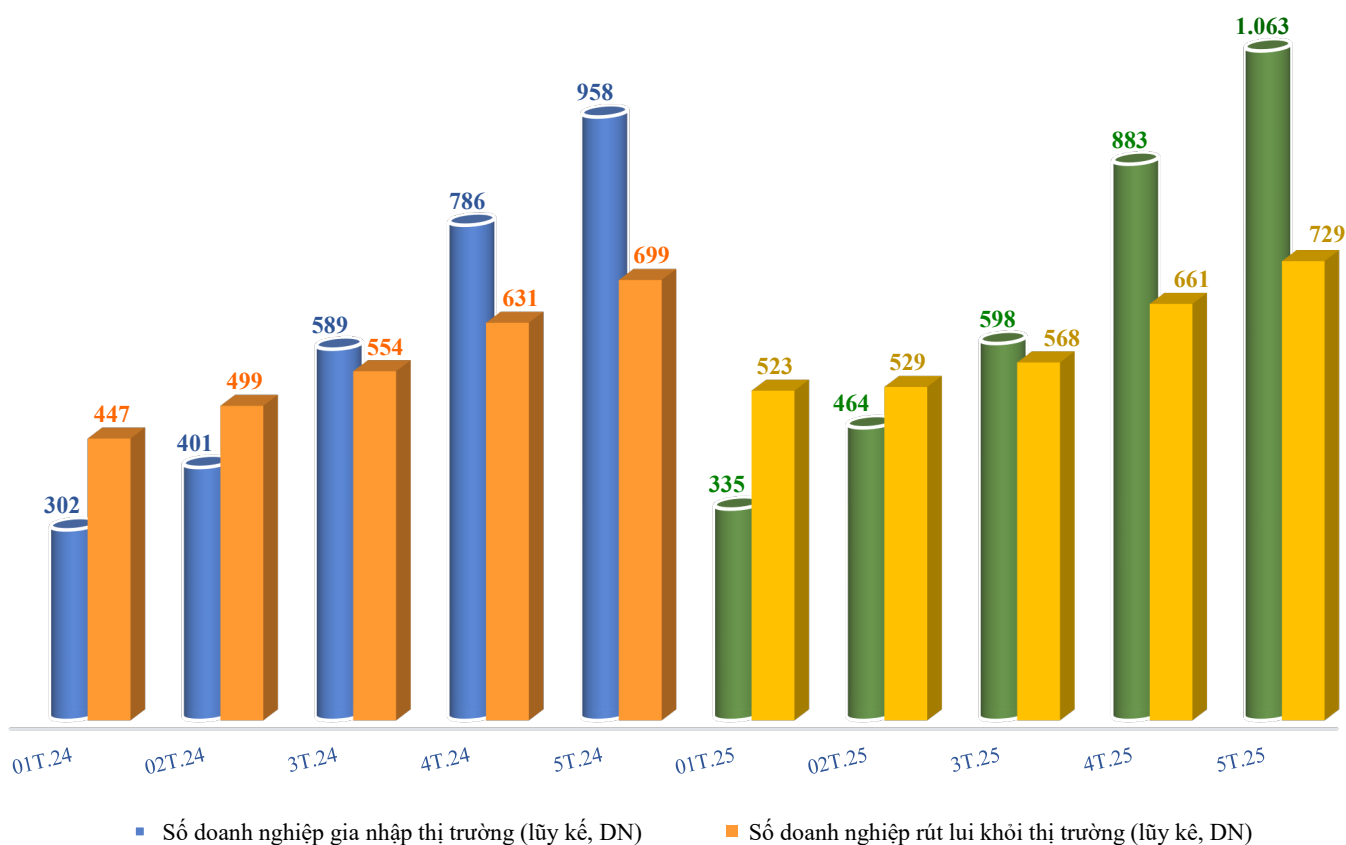
Số doanh nghiệp giải thể (theo tháng, DN)



Số doanh nghiệp giải thể (lũy kế, DN)



Số DN gia nhập và số DN rút lui khỏi thị trường (lũy kế, DN)

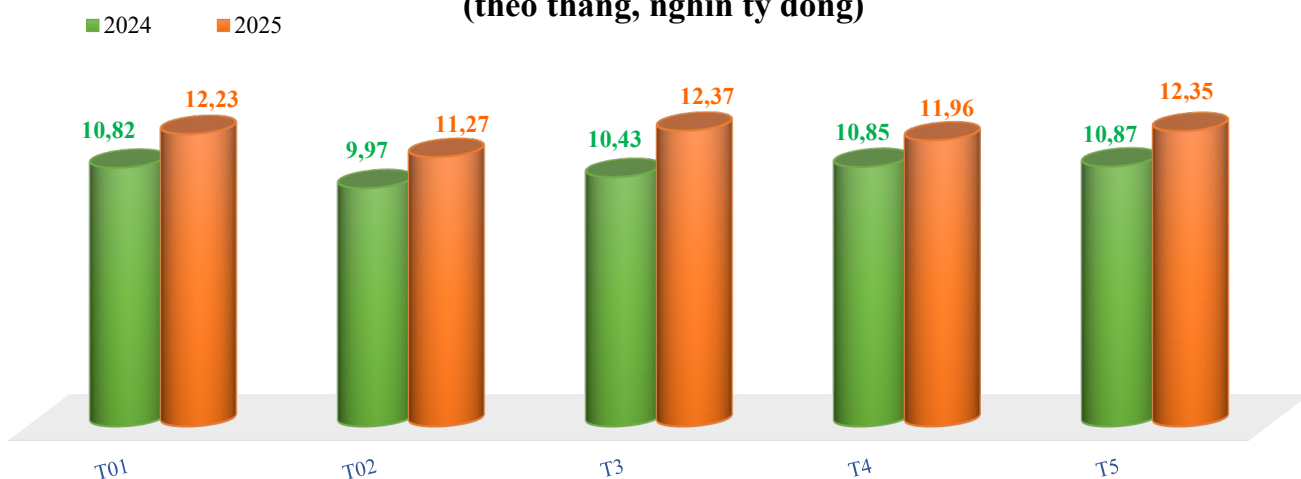


Nguồn: Sở Tài chính thành phố
(*) Cập nhật lại dãy số liệu tháng 2 - 4/2025

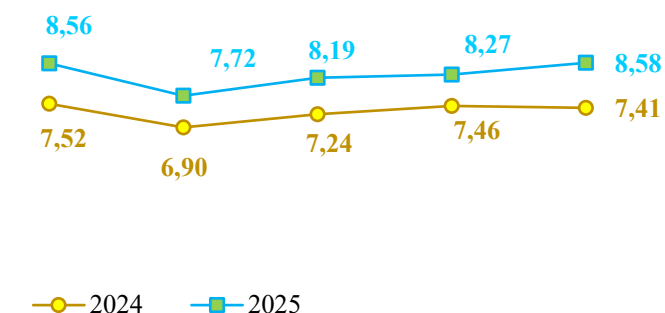


TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG

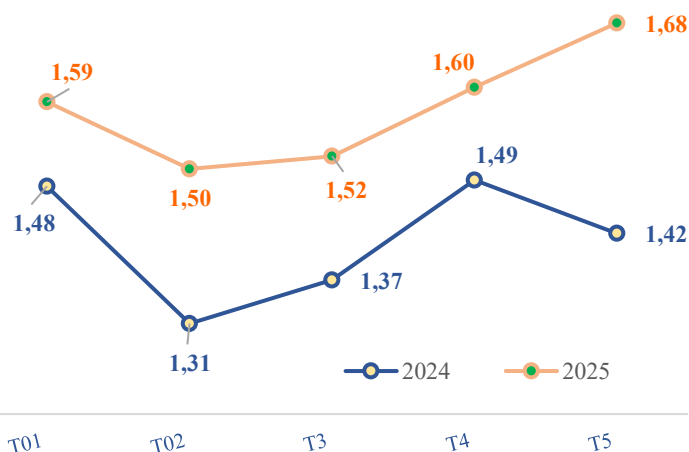
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)



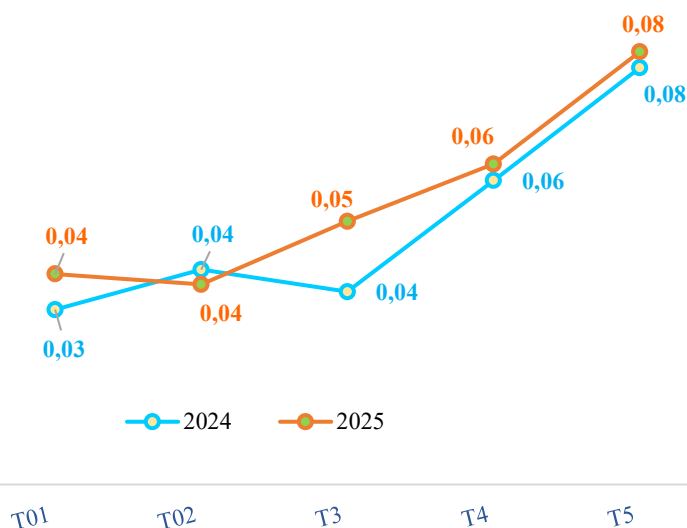
Bán lẻ hàng hóa (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



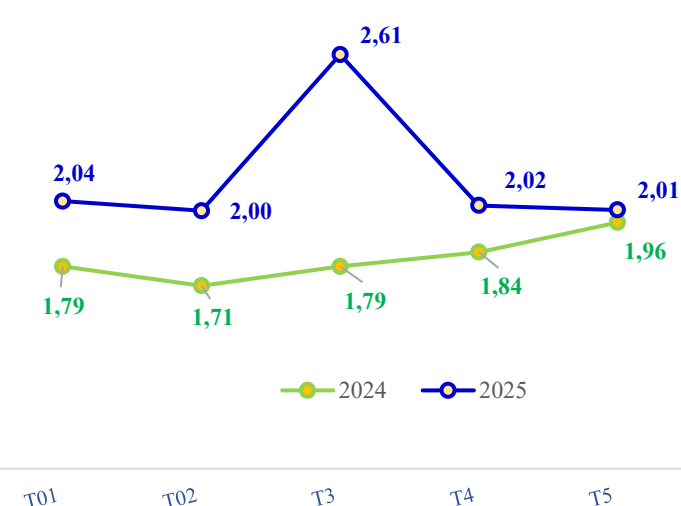
Dịch vụ lưu trú, ăn uống
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)



Du lịch lữ hành (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



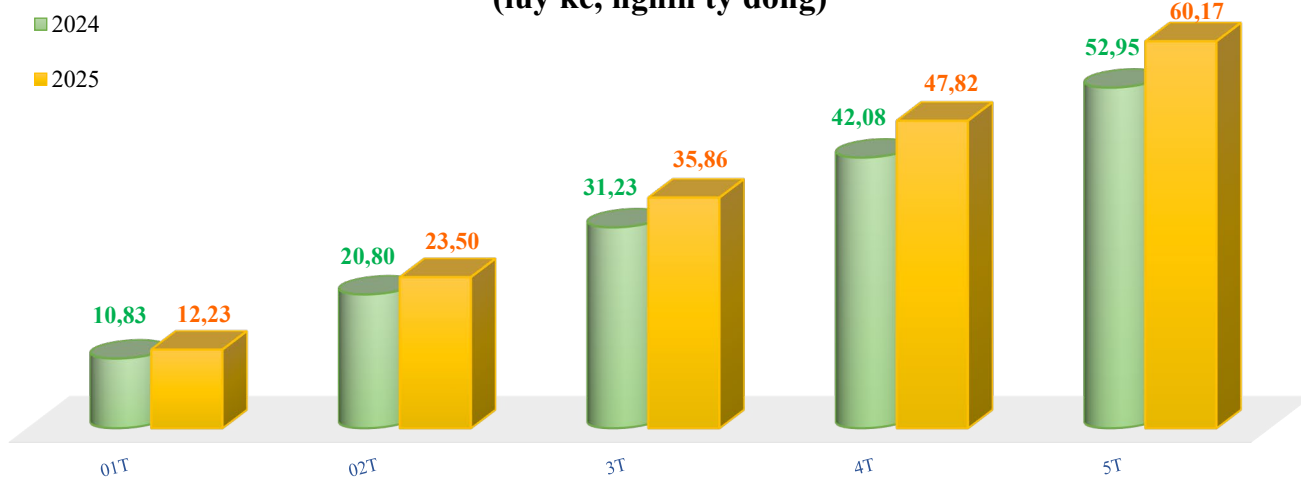
Dịch vụ khác (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



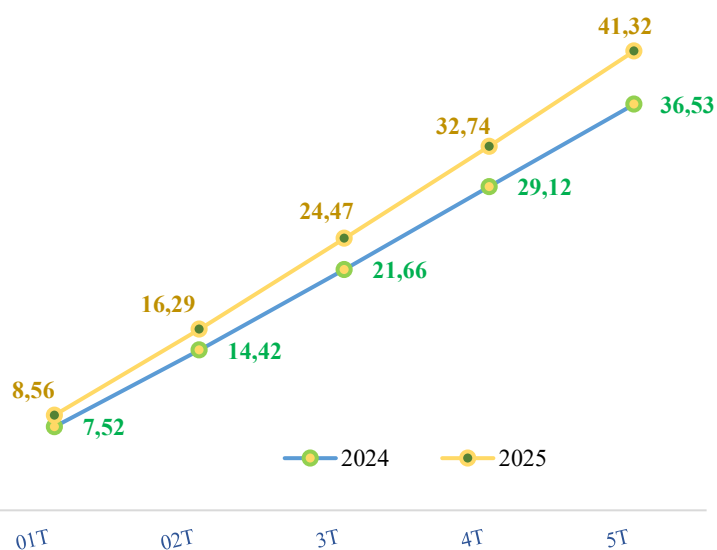


TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG (tiếp)

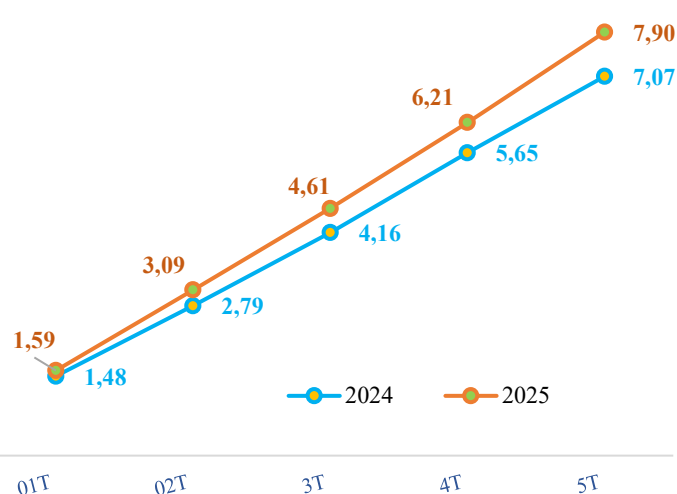
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



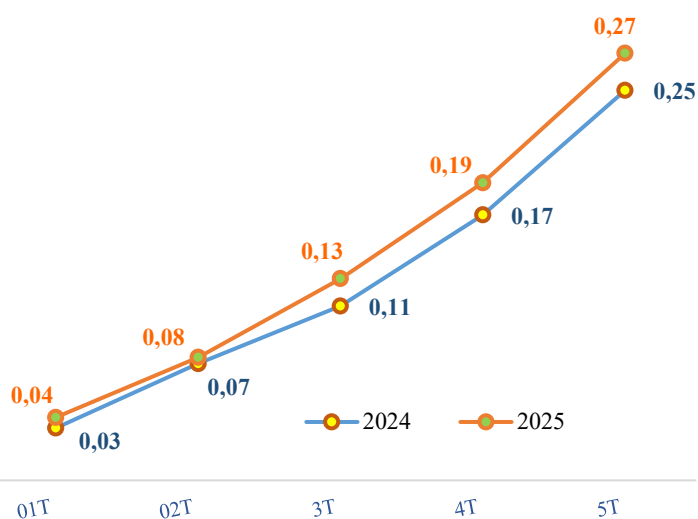
Bán lẻ hàng hóa (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



Dịch vụ lưu trú, ăn uống (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



Du lịch lữ hành (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



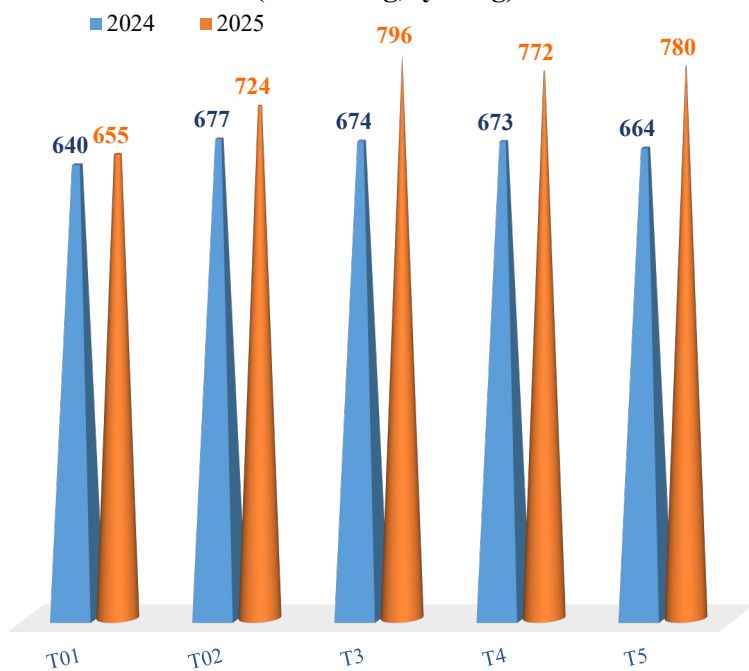
Dịch vụ khác (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



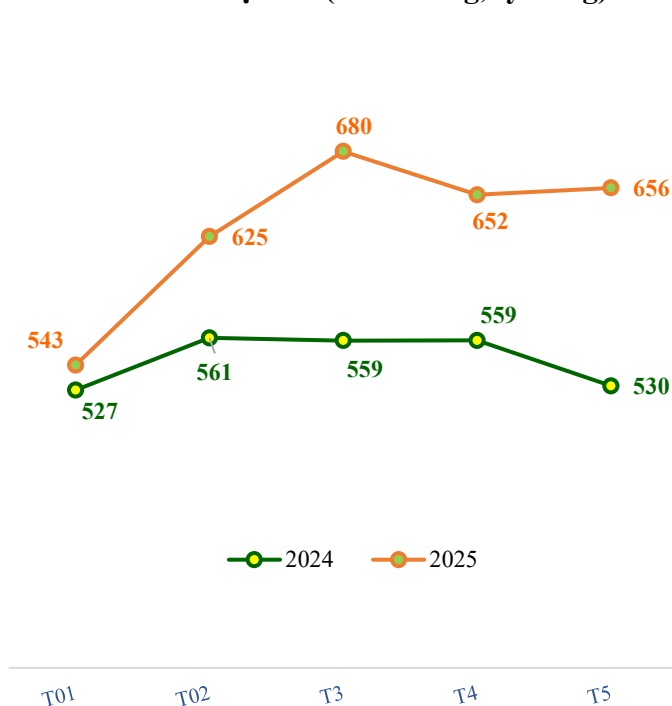


VẬN TẢI, KHO BÃI VÀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ VẬN TẢI(*)

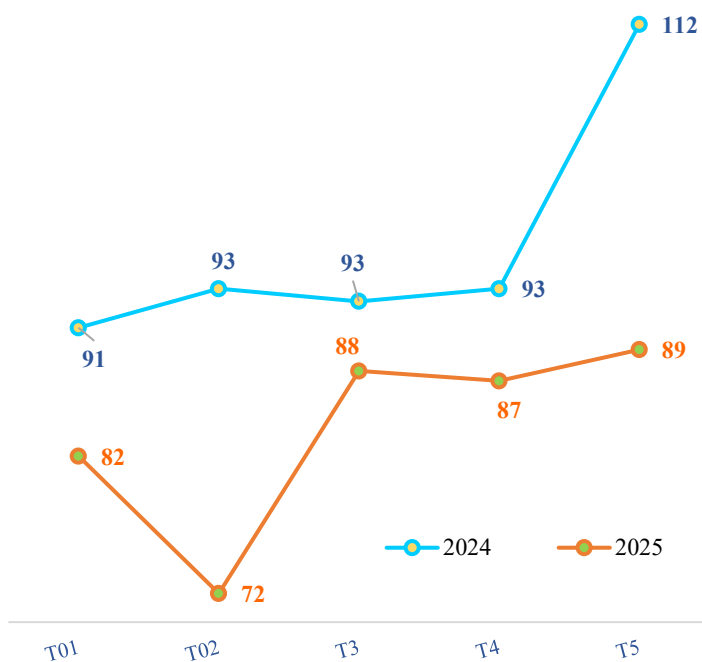
Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ vận tải
(theo tháng, tỷ đồng)



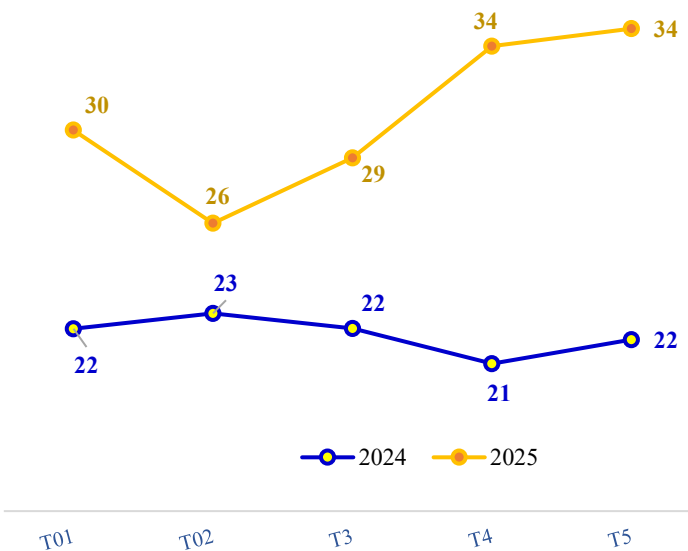
Doanh thu vận tải (theo tháng, tỷ đồng)



Doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ
(theo tháng, tỷ đồng)



Doanh thu bưu chính, chuyển phát
(theo tháng, tỷ đồng)

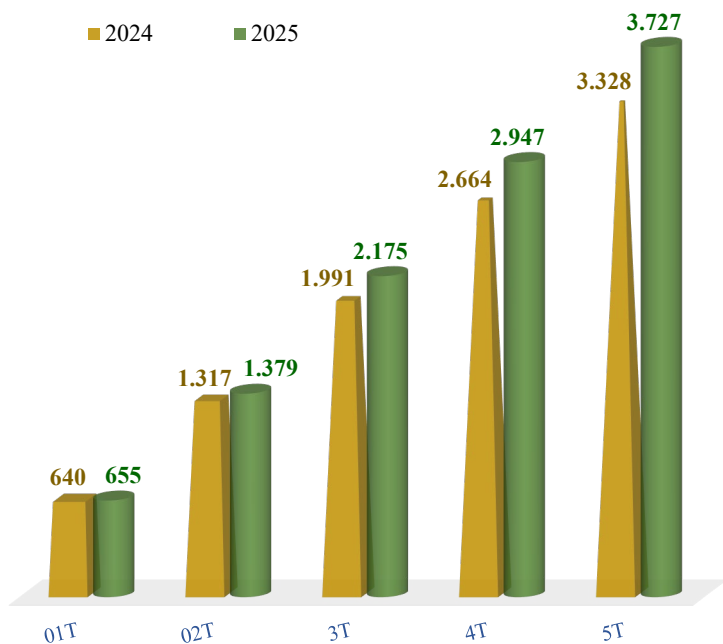


Cập nhật lại số liệu tháng 4/2025

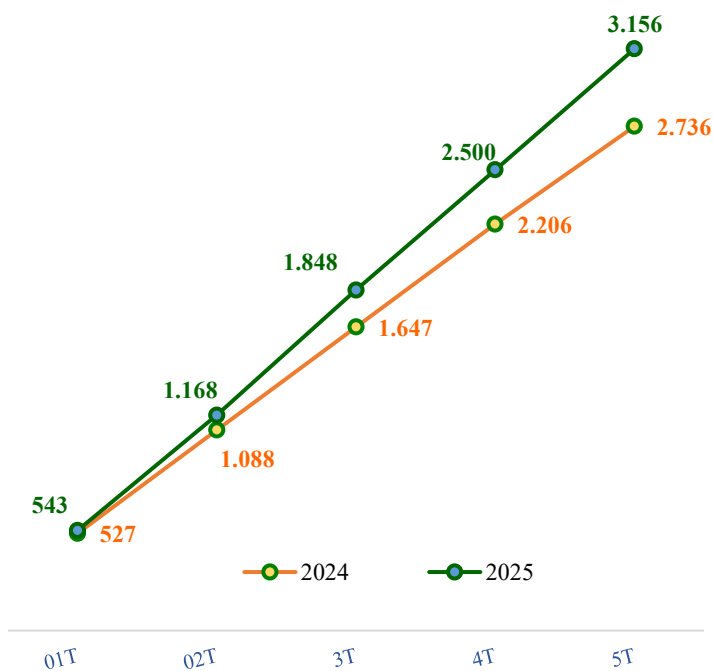


VẬN TẢI, KHO BÃI VÀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ VẬN TẢI (tiếp)

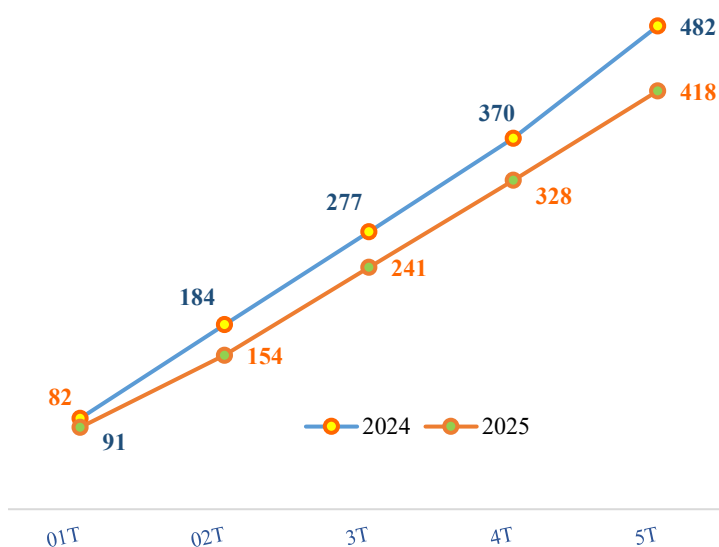
Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ
(luỹ kế, tỷ đồng)



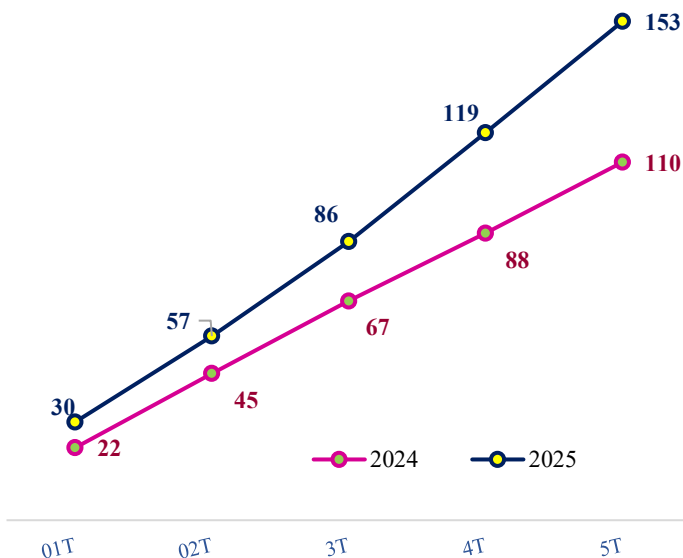
Doanh thu vận tải (luỹ kế, tỷ đồng)



Doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ
(luỹ kế, tỷ đồng)



Doanh thu bưu chính, chuyển phát
(luỹ kế, tỷ đồng)

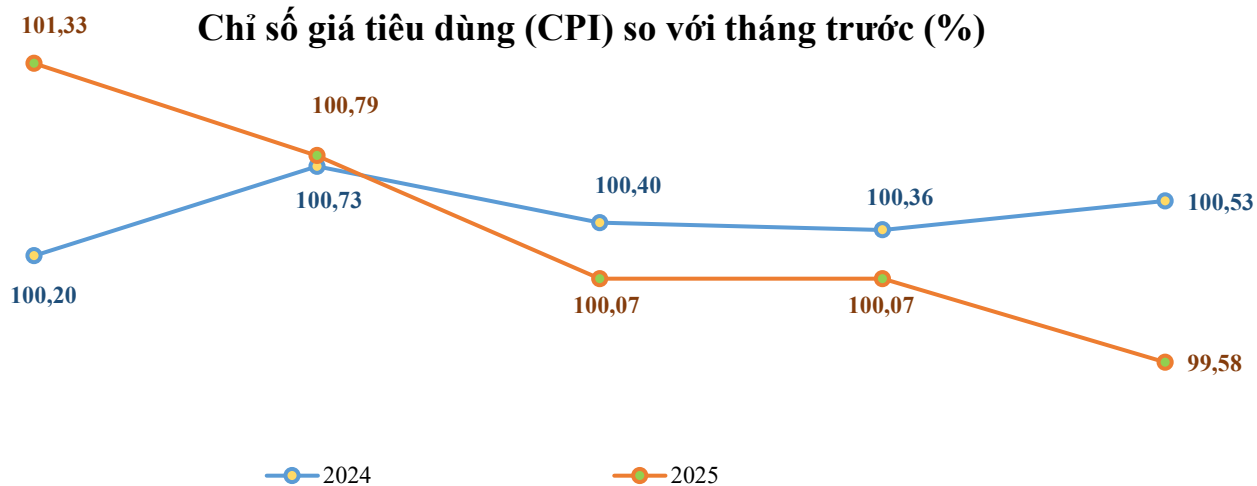


Cập nhật lại số liệu tháng 4/2025

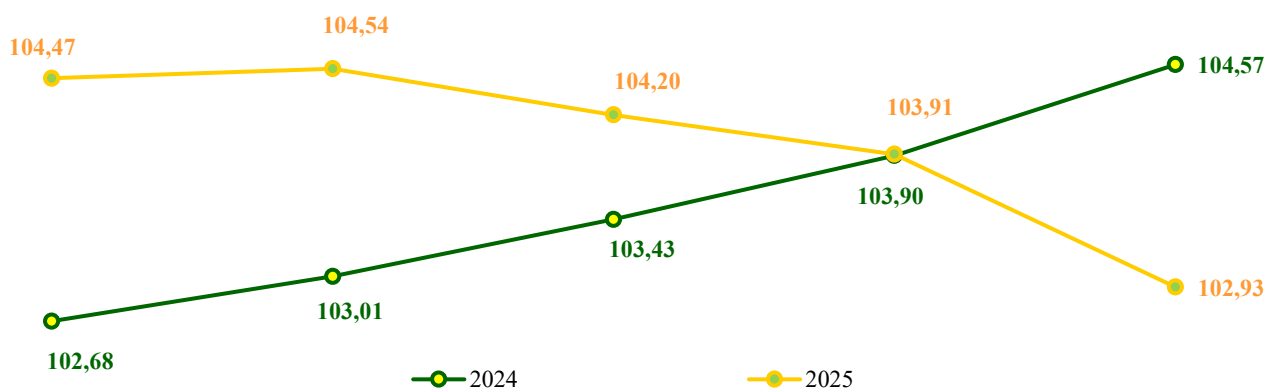


CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, GIÁ VÀNG VÀ ĐÔ LA MỸ

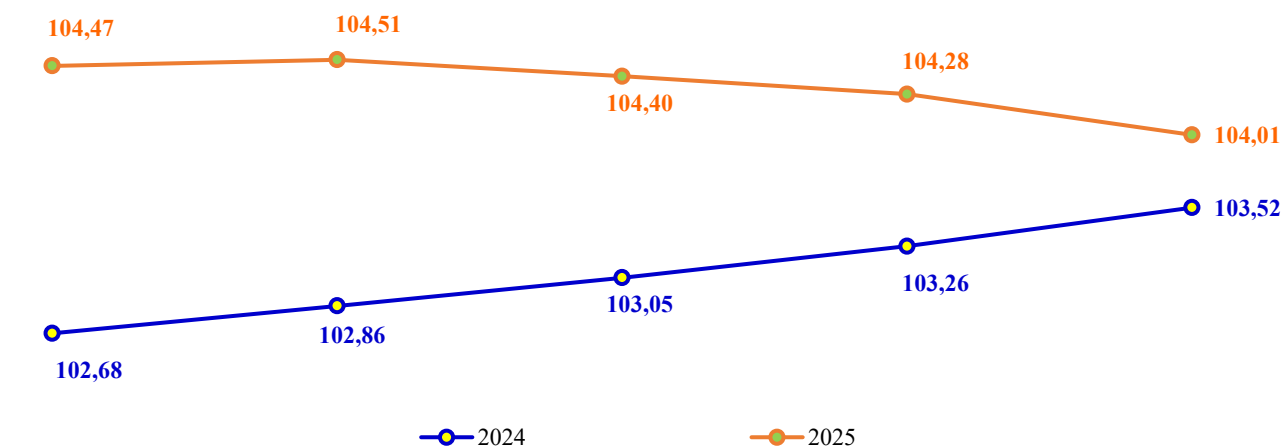
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) so với tháng trước (%)



Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) so với cùng kỳ (theo tháng, %)



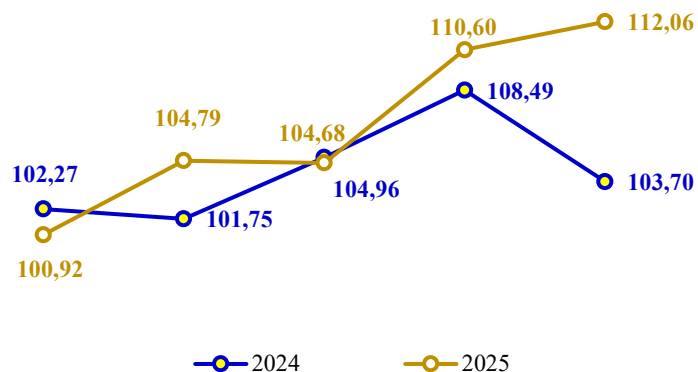
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cùng kỳ (lũy kế, %)



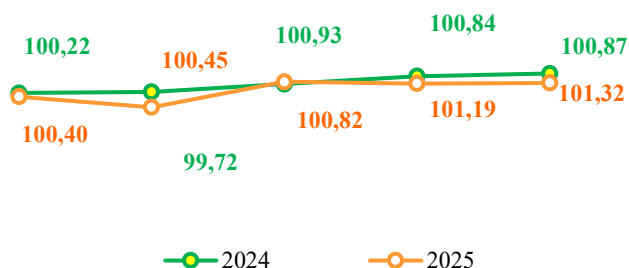


CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, GIÁ VÀNG VÀ ĐÔ LA MỸ (tiếp theo)

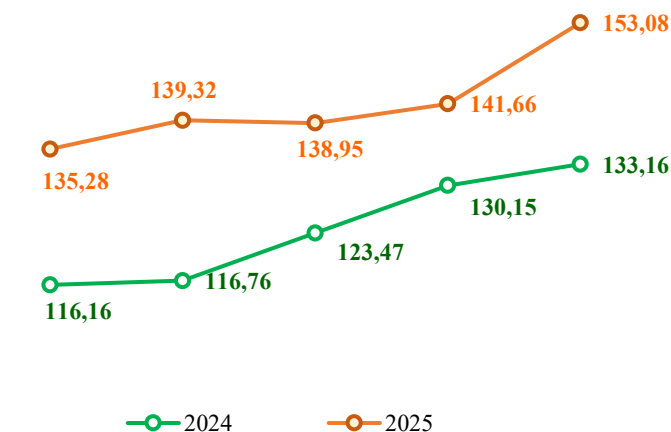
Chỉ số giá vàng so với tháng trước (%)



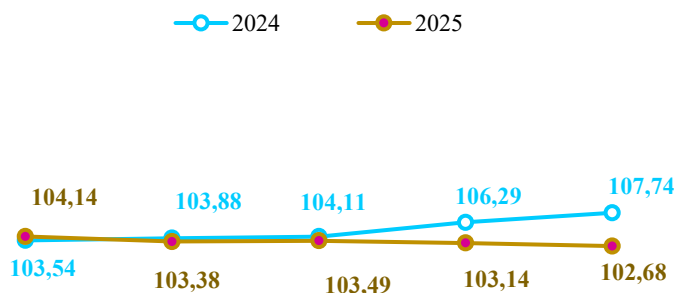
Chỉ số giá Đô la Mỹ so với tháng trước (%)



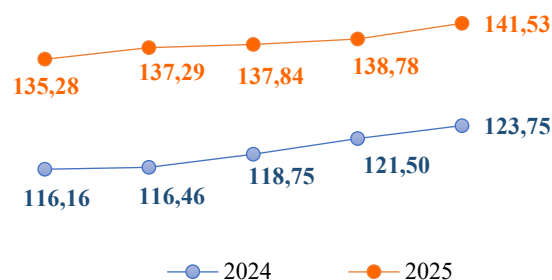
Chỉ số giá vàng so với cùng kỳ (theo tháng, %)



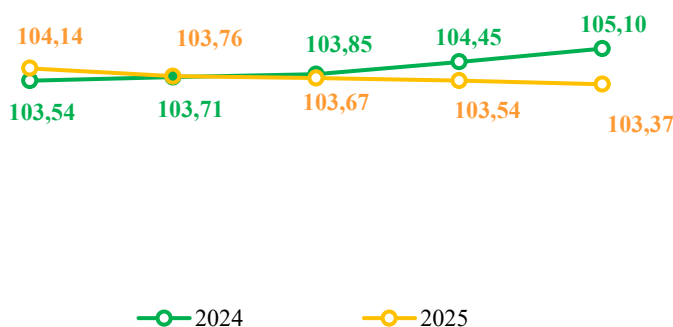
Chỉ số giá Đô la Mỹ so với cùng kỳ (theo tháng, %)



Chỉ số giá vàng bình quân so cùng kỳ (lũy kế, %)



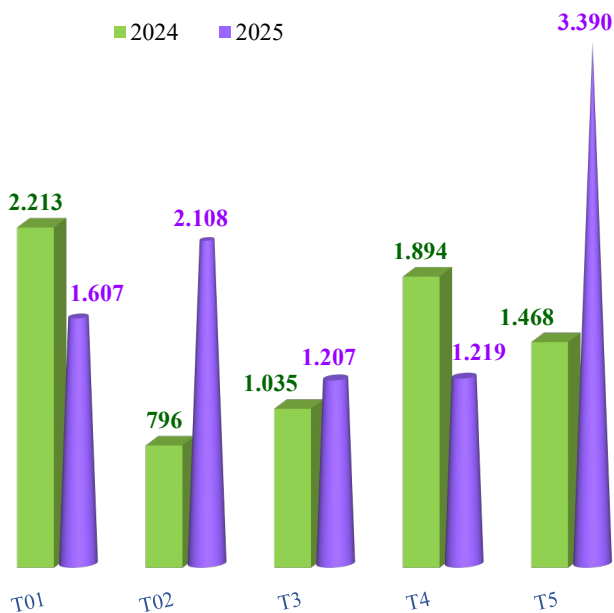
Chỉ số giá Đô la Mỹ bình quân so cùng kỳ (lũy kế, %)



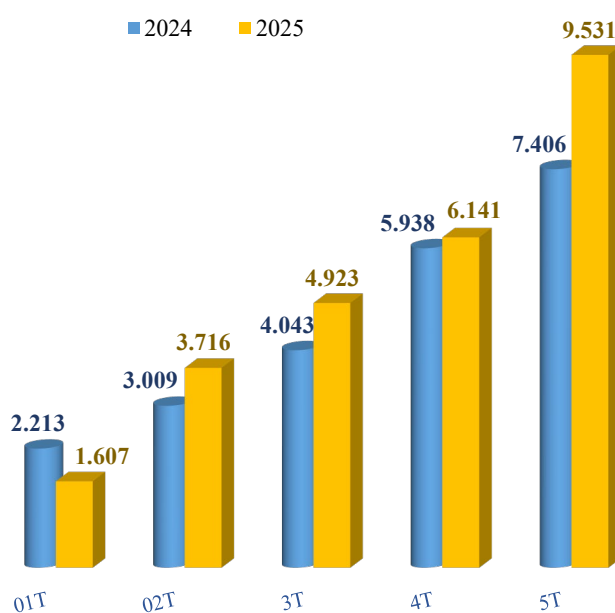


THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN(*)

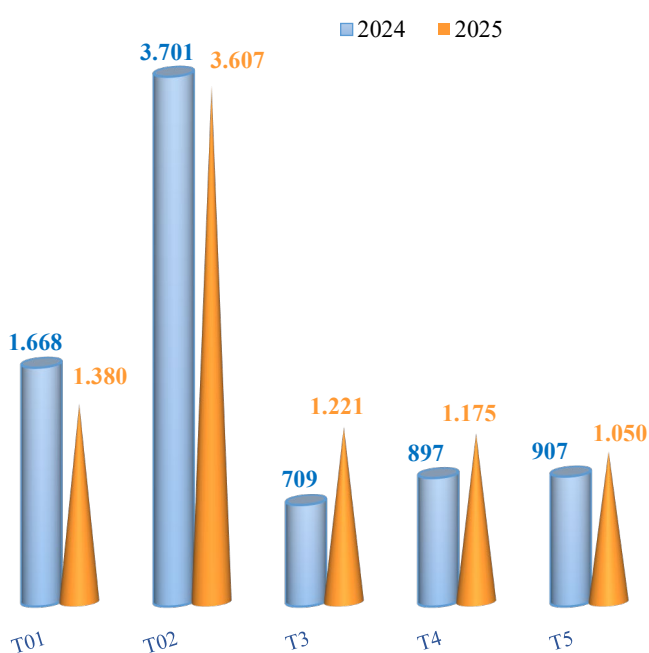
**Tổng thu ngân sách nhà nước
(theo tháng, tỷ đồng)**



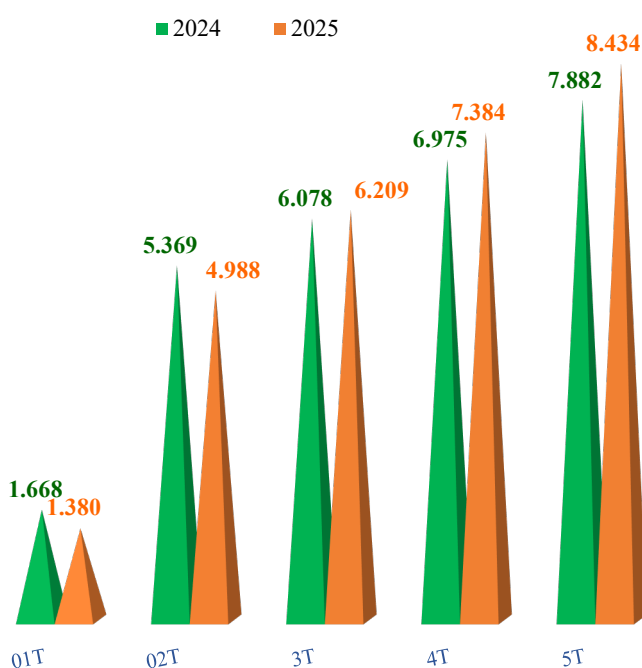
**Tổng thu ngân sách nhà nước
(lũy kế, tỷ đồng)**



**Tổng chi ngân sách địa phương
(theo tháng, tỷ đồng)**



**Tổng chi ngân sách địa phương
(lũy kế, tỷ đồng)**



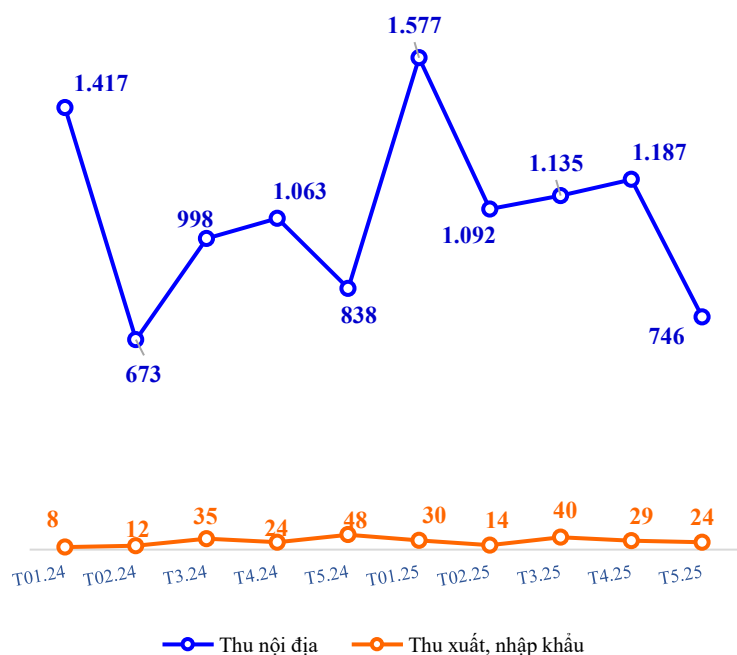
Nguồn: Sở Tài chính thành phố Cần Thơ

(*) Số liệu các tháng trước được cập nhật vào ngày cuối tháng. Riêng tháng 5 được cập nhật ngày 25/5/2025

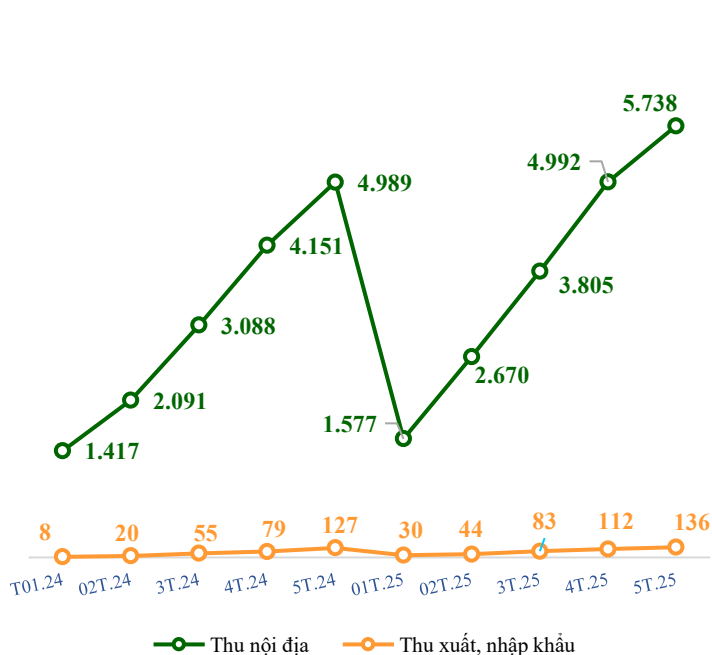


THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN(*) (tiếp theo)

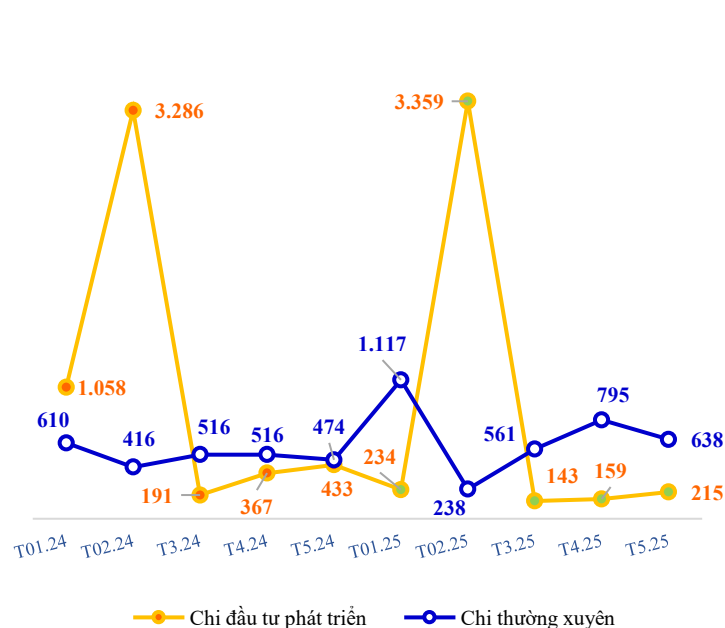
Thu nội địa và thu xuất, nhập khẩu
(theo tháng, tỷ đồng)



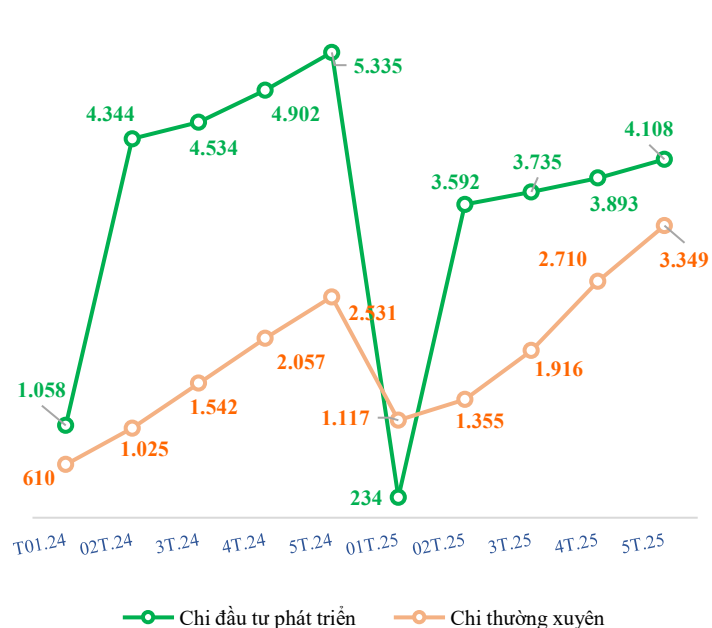
Thu nội địa và thu xuất, nhập khẩu
(lũy kế, tỷ đồng)



Chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên
(theo tháng, tỷ đồng)



Chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên
(lũy kế, tỷ đồng)



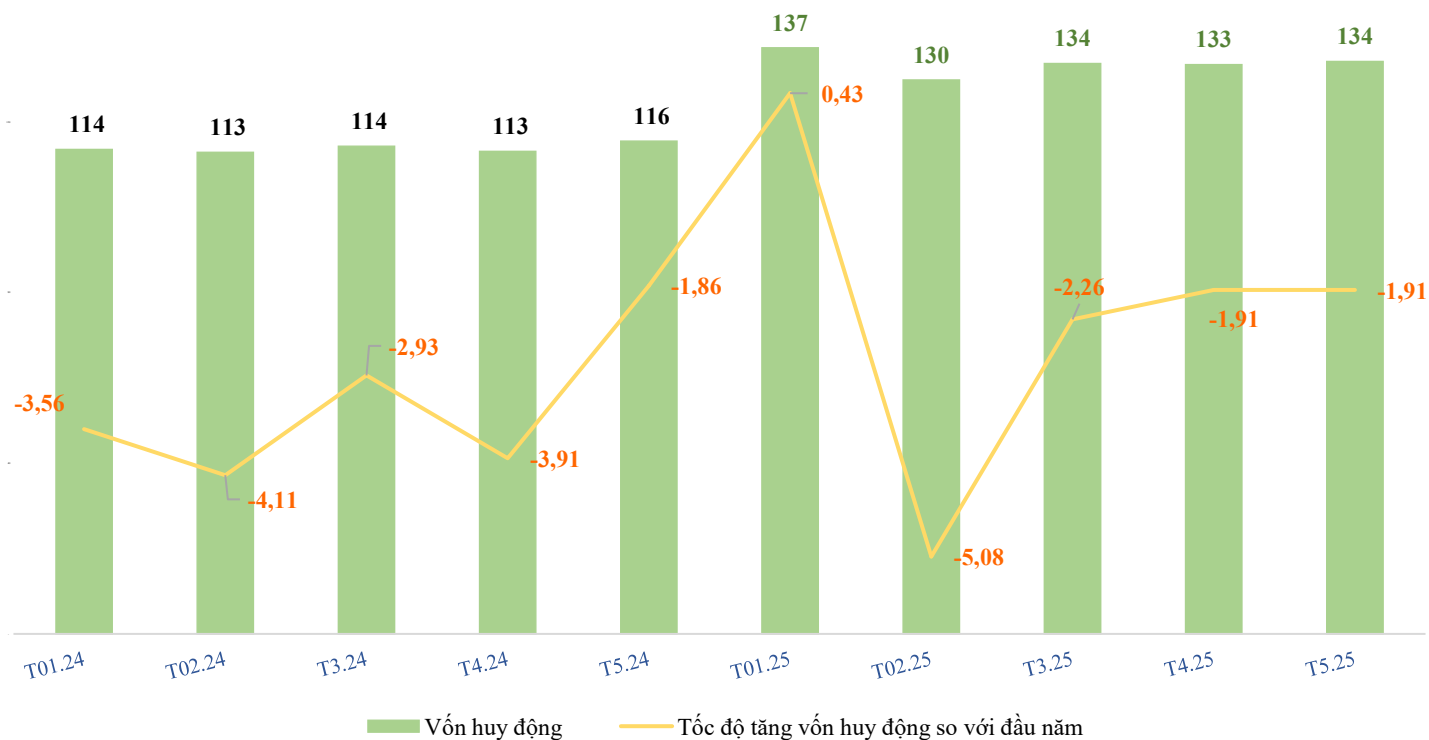
Nguồn: Sở Tài chính thành phố Cần Thơ

(*) Số liệu các tháng trước được cập nhật vào ngày cuối tháng. Riêng tháng 5 được cập nhật ngày 25/5/2025

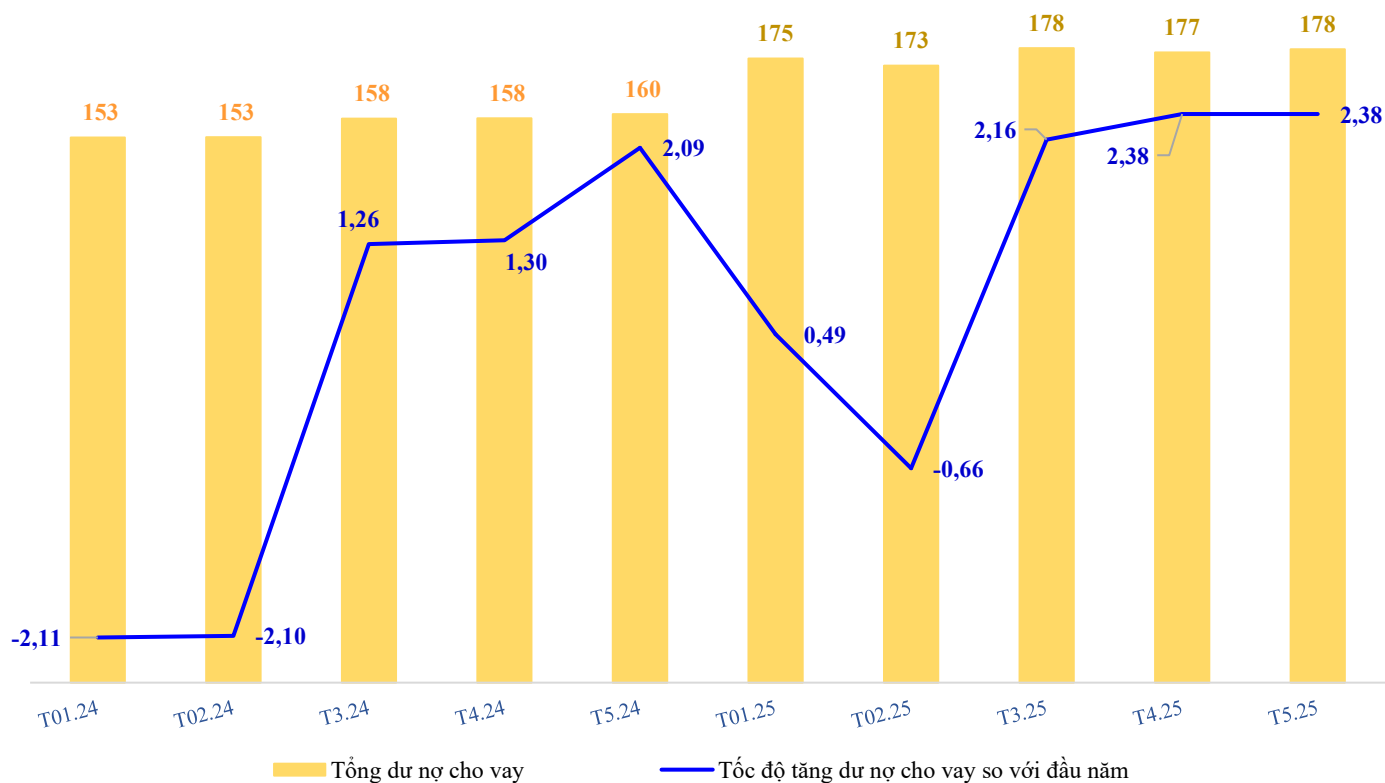


NGÂN HÀNG

Vốn huy động (theo tháng, nghìn tỷ đồng, %)



Tổng dư nợ cho vay (theo tháng, nghìn tỷ đồng, %)

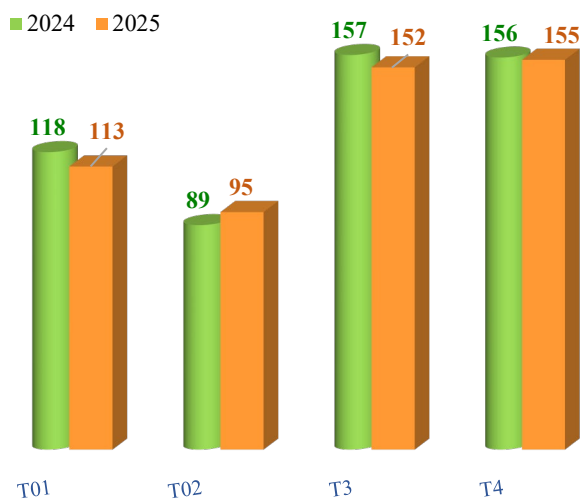


Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Khu vực XIV

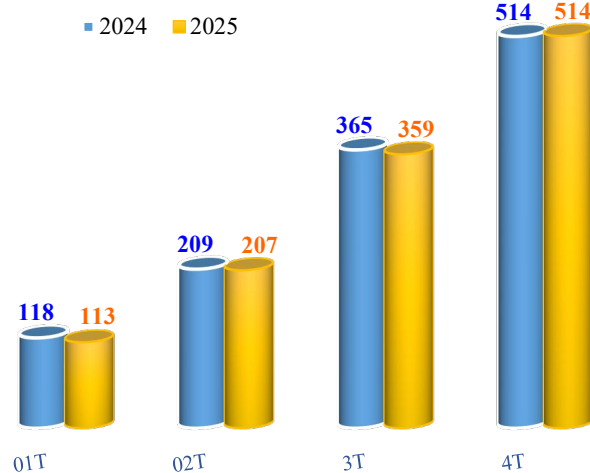


XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA

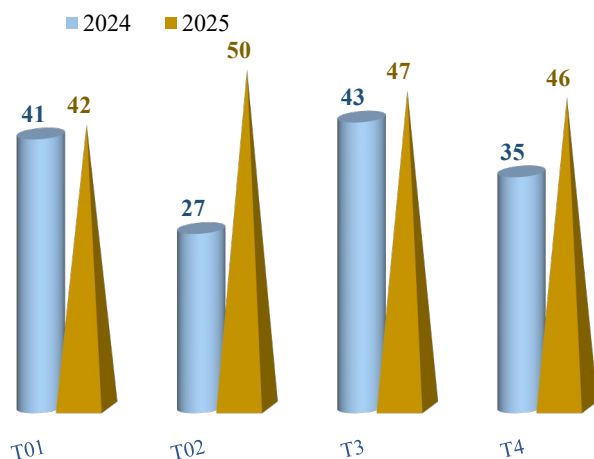
Xuất khẩu (theo tháng, triệu USD)



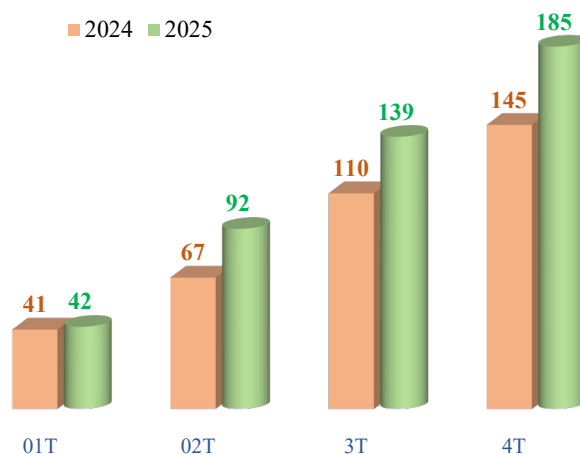
Xuất khẩu (lũy kế, triệu USD)



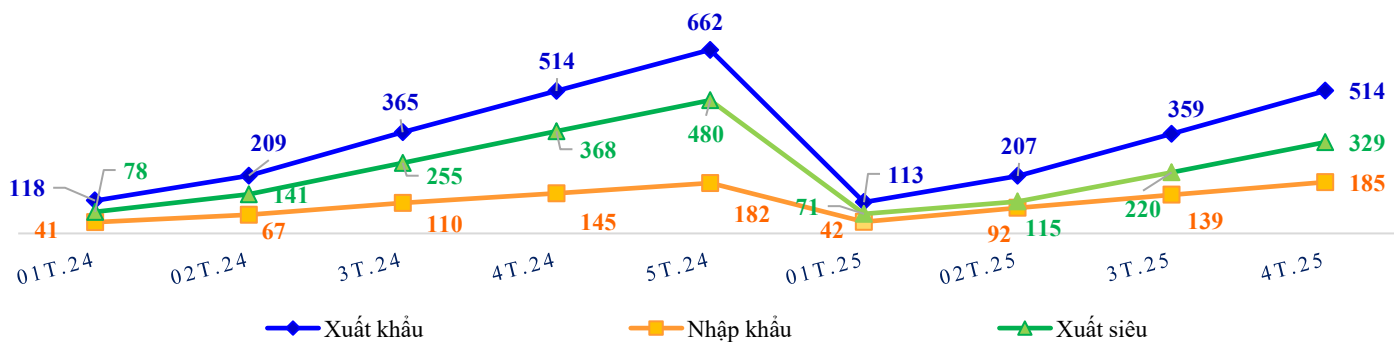
Nhập khẩu (theo tháng, triệu USD)



Nhập khẩu (lũy kế, triệu USD)



Kim ngạch xuất nhập khẩu (lũy kế, triệu USD)

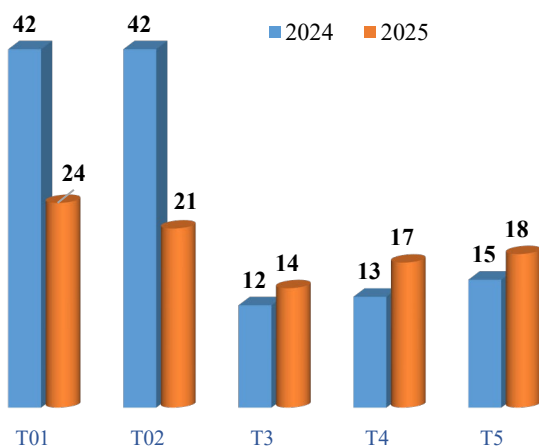


Nguồn: Cổng Thông tin điện tử Cục Hải quan (www.customs.gov.vn)



TAI NẠN GIAO THÔNG, PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ

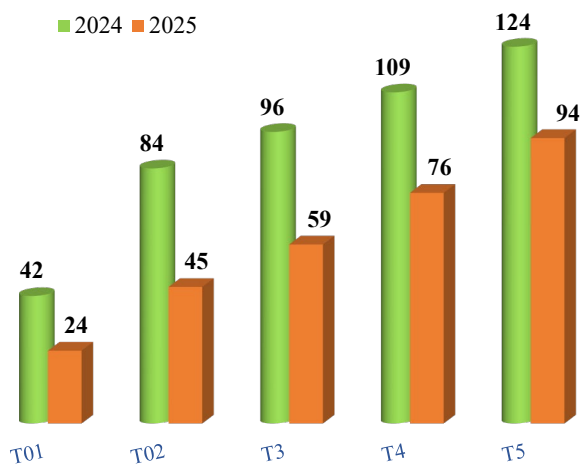
Số vụ tai nạn giao thông (theo tháng, vụ)



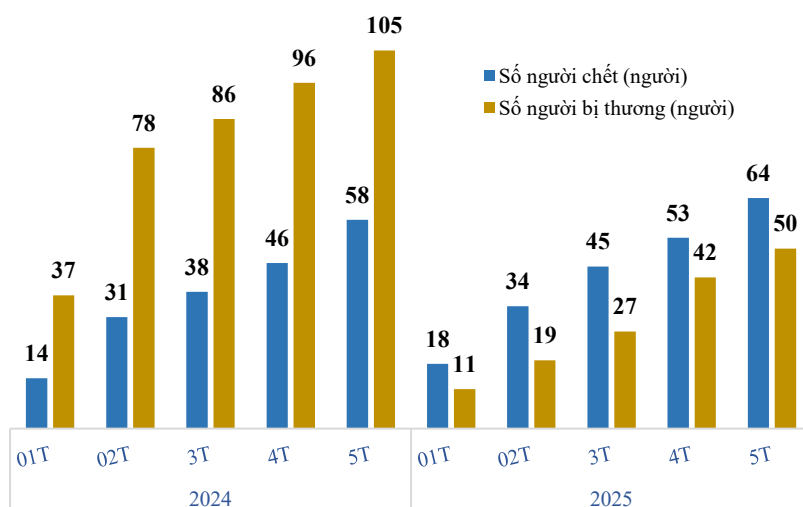
Số người chết và bị thương (theo tháng, người)



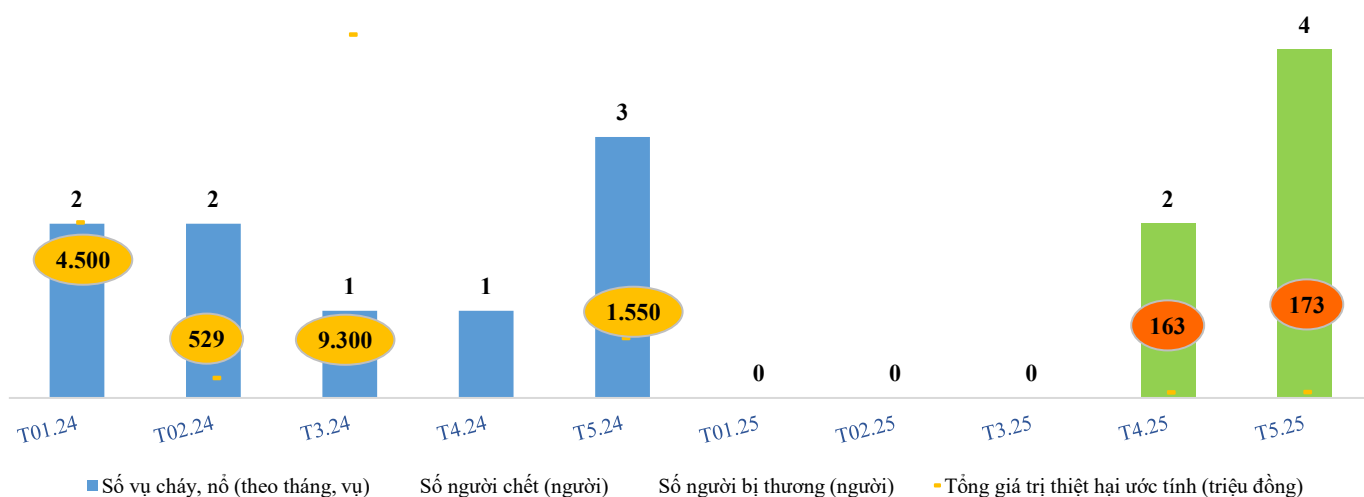
Số vụ tai nạn giao thông (lũy kế, vụ)



Số người chết và bị thương (lũy kế, người)



Số vụ cháy, nổ (theo tháng, vụ, thiệt hại)

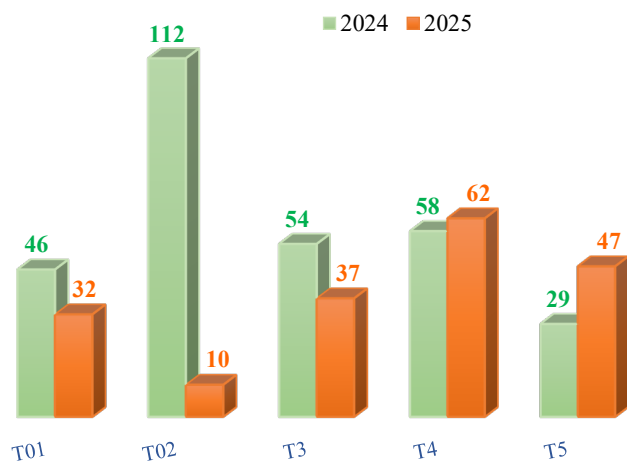


Nguồn: Ban An toàn giao thông thành phố Cần Thơ

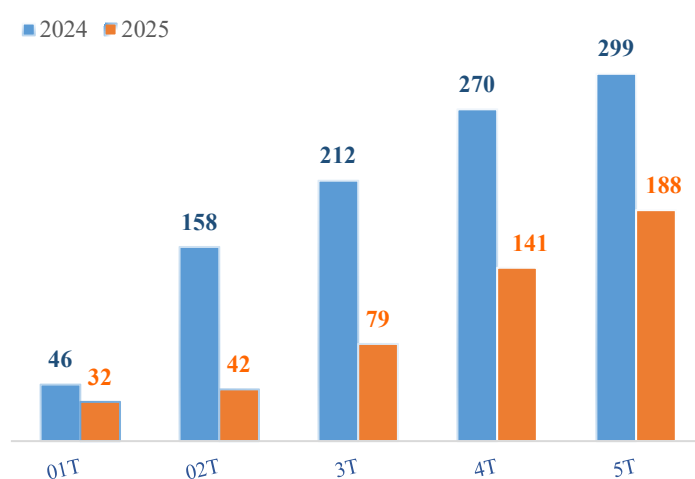


TÌNH HÌNH DỊCH BỆNH

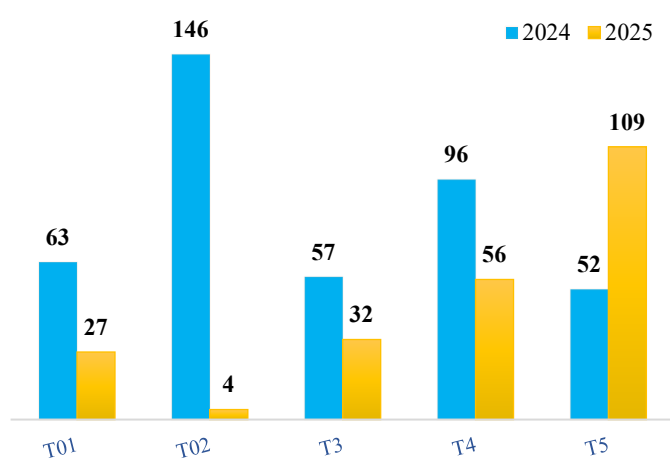
Sốt xuất huyết (theo tháng, trường hợp)



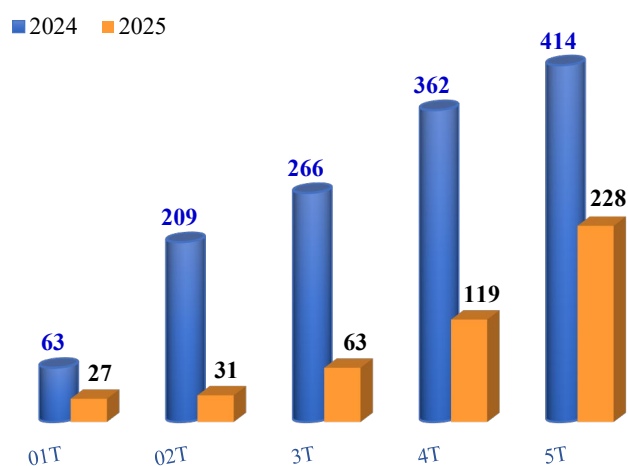
Sốt xuất huyết (lũy kế, trường hợp)



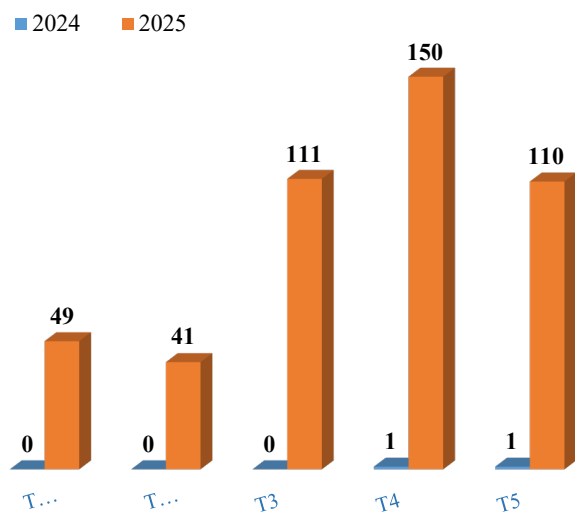
Tay chân miệng (tháng, trường hợp)



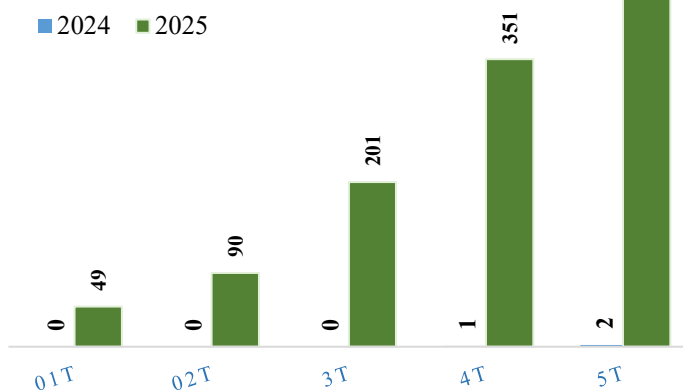
Tay chân miệng (lũy kế, trường hợp)



Sởi (tháng, trường hợp)



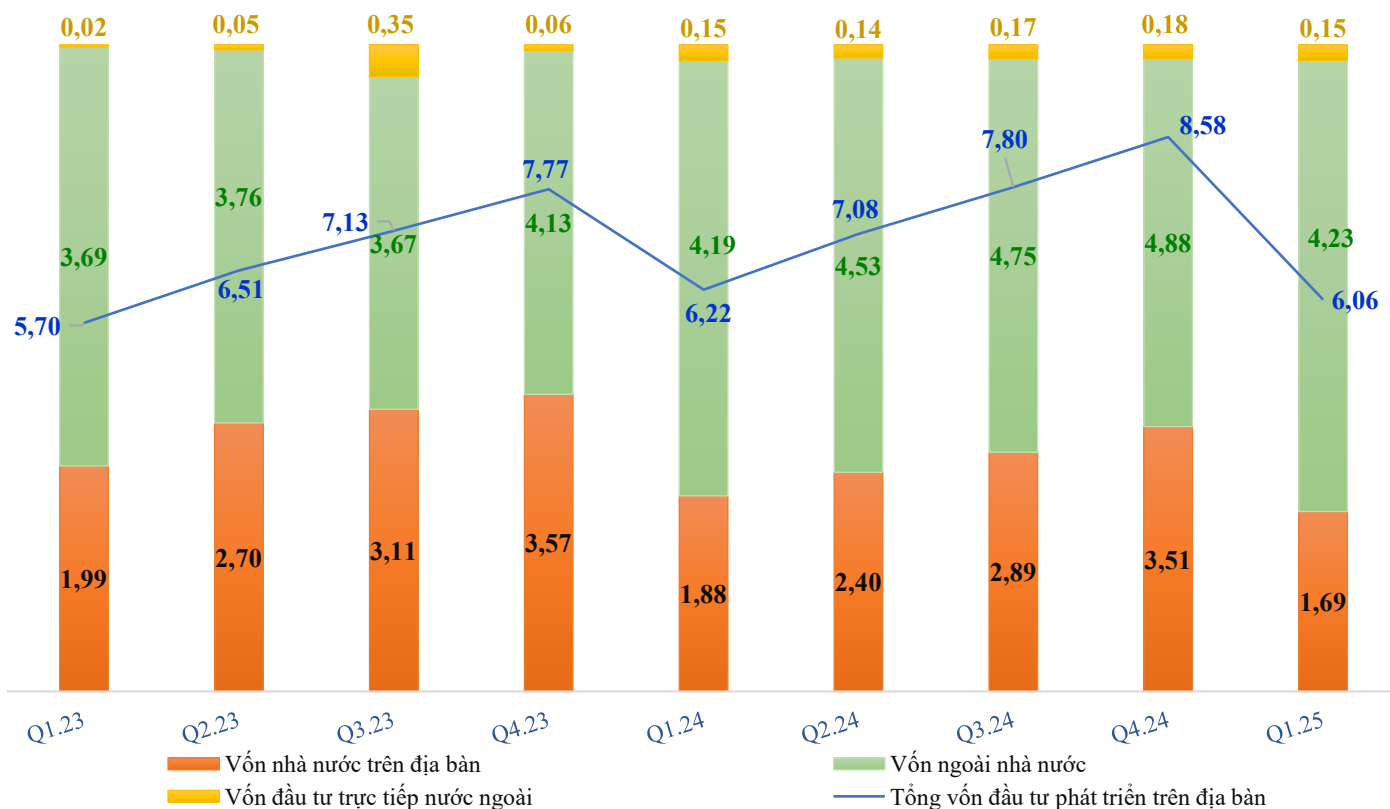
Sởi (lũy kế, trường hợp)



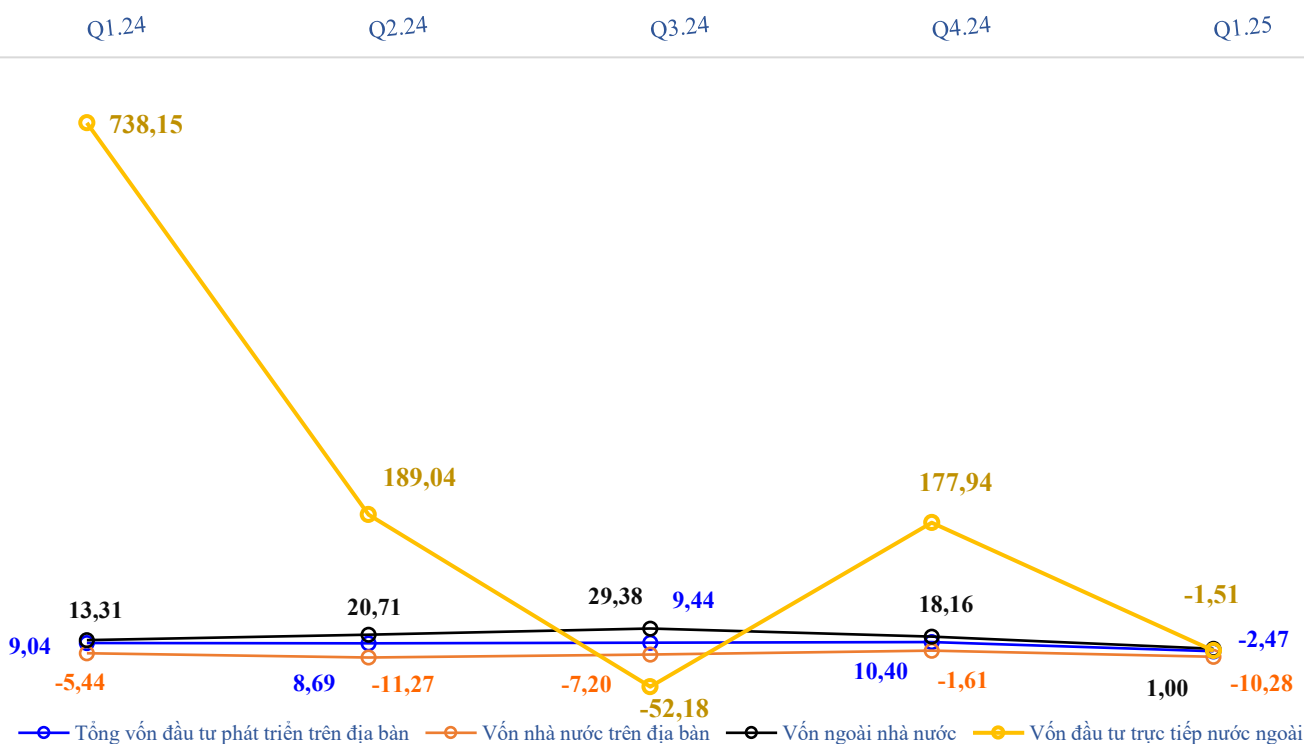


VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TOÀN XÃ HỘI

**Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn theo giá hiện hành
(theo quý, nghìn tỷ đồng)**



**Tốc độ tăng tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn so với cùng kỳ
(theo quý, %)**





DÂN SỐ

**Dân số trung bình
sơ bộ năm 2024**



1.271.723 người

▲ 12.847 người

▲ 1,02%

Dân số thành thị



898.655 người

Chiếm 70,66%

Dân số nông thôn



373.068 người

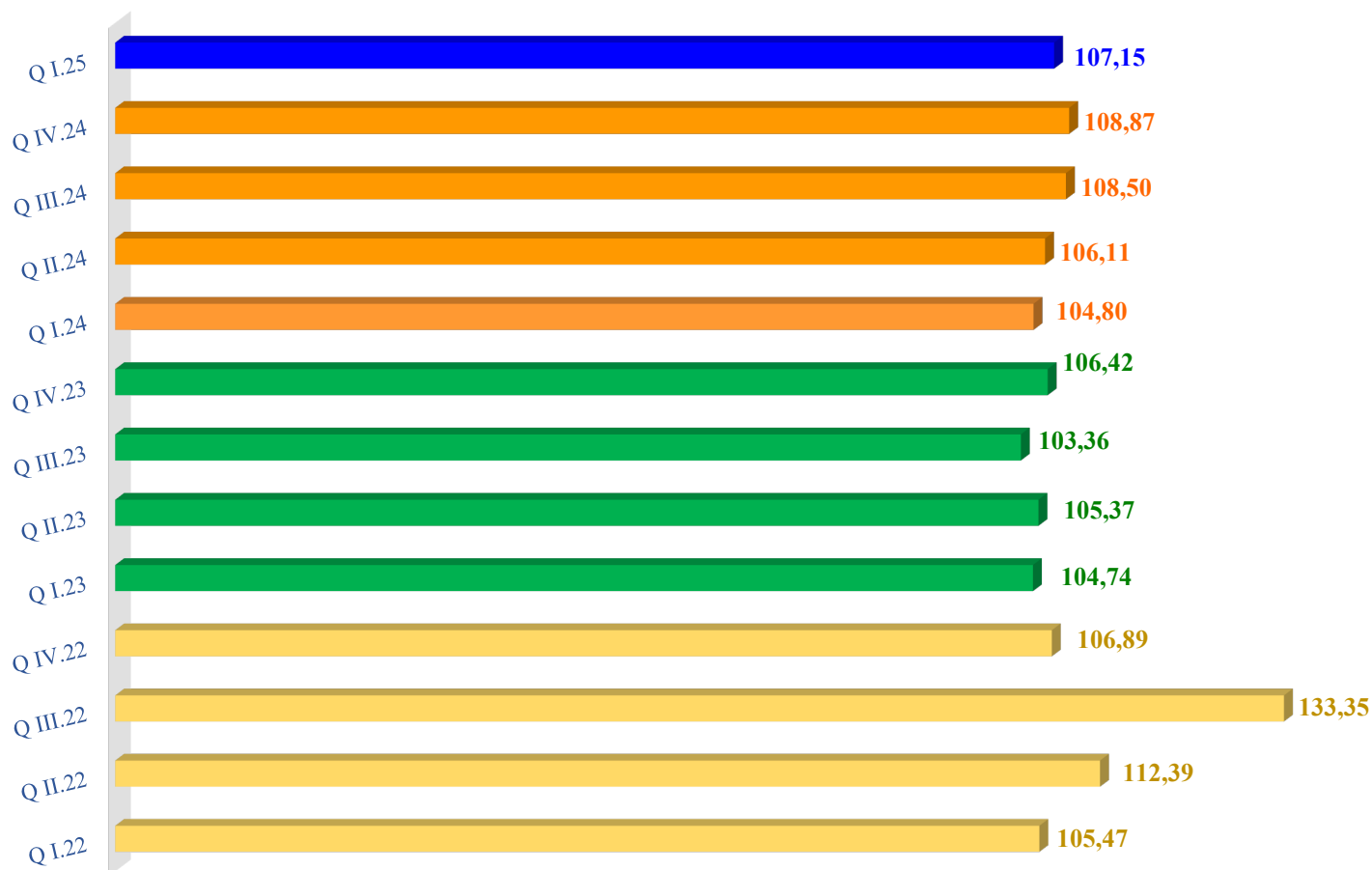
Chiếm 29,34%

Dân số trung bình sơ bộ năm 2024 của thành phố đạt 1.271.723 người, tăng 12.847 người, tương đương tăng 1,02% so với năm 2023, bao gồm dân số thành thị 898.655 người, chiếm 70,66%; dân số nông thôn 373.068 người, chiếm 29,34%.

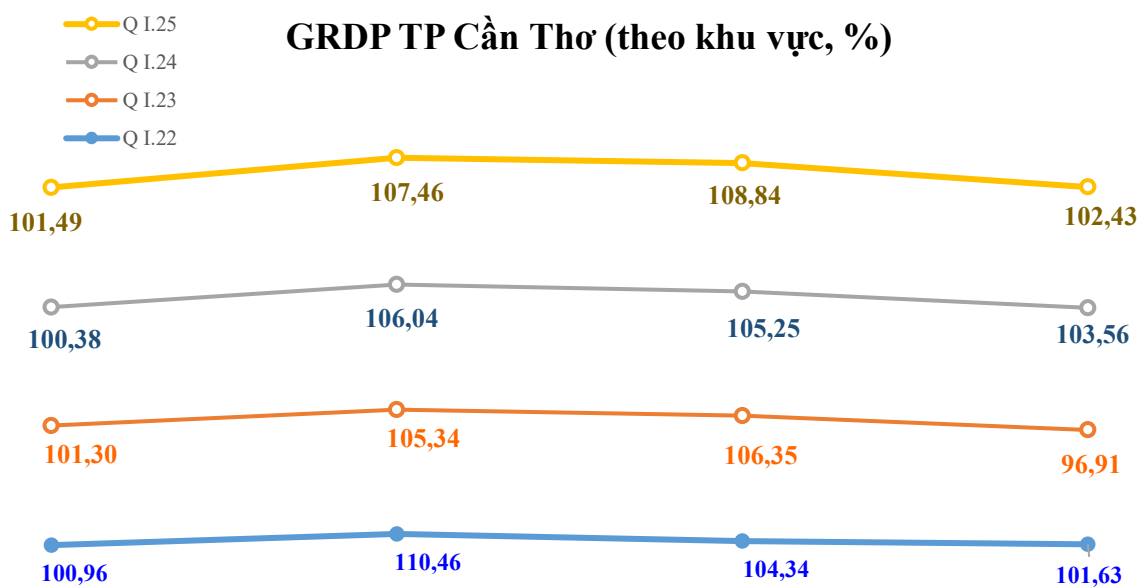


TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN (GRDP)

GRDP TP Cần Thơ (theo quý, %)



GRDP TP Cần Thơ (theo khu vực, %)



Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Công nghiệp và xây dựng

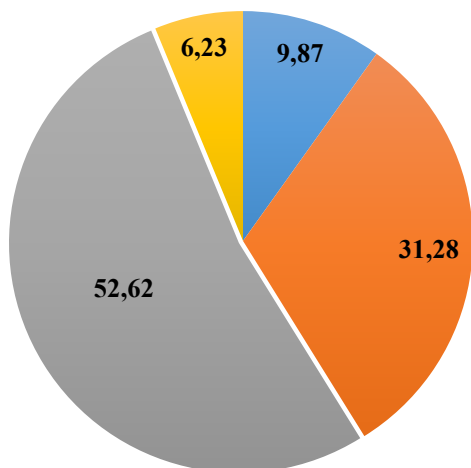
Dịch vụ

Thuế SP trừ trợ cấp SP



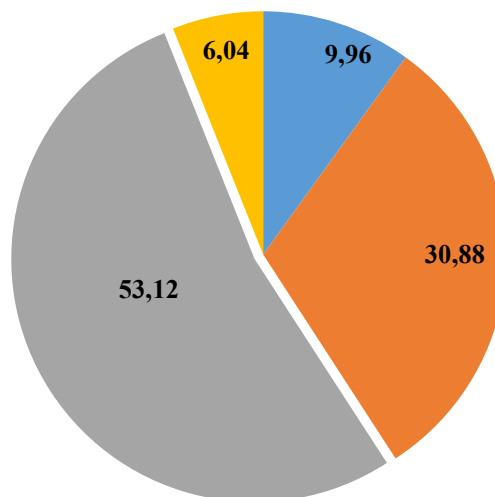
TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN (GRDP) (Tiếp)

**Cơ cấu GRDP năm 2023
(theo giá HH,%)**



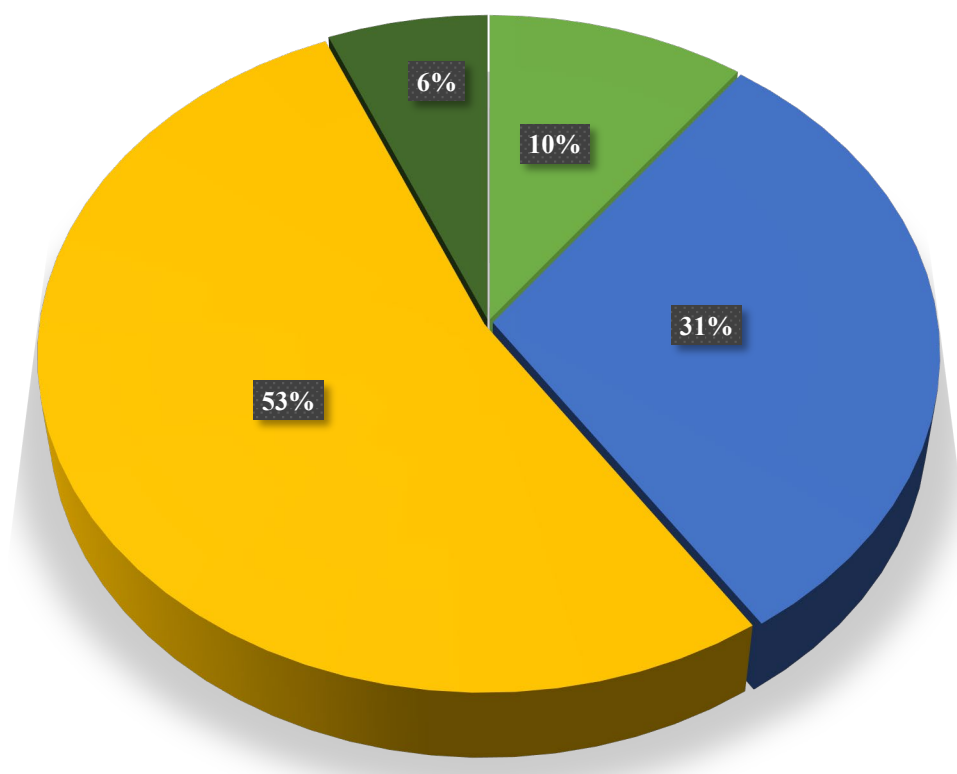
■ Nông, lâm nghiệp và thủy sản ■ Công nghiệp và xây dựng
■ Dịch vụ ■ Thuế SP trừ trợ cấp SP

**Cơ cấu GRDP năm 2024
(theo giá HH,%)**



■ Nông, lâm nghiệp và thủy sản ■ Công nghiệp và xây dựng
■ Dịch vụ ■ Thuế SP trừ trợ cấp SP

Cơ cấu GRDP quý I năm 2025 (theo giá HH,%)

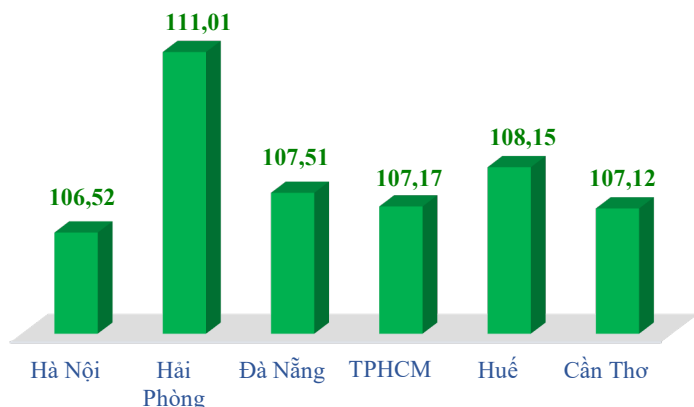


■ Nông, lâm nghiệp và thủy sản
■ Công nghiệp và xây dựng
■ Dịch vụ
■ Thuế SP trừ trợ cấp SP

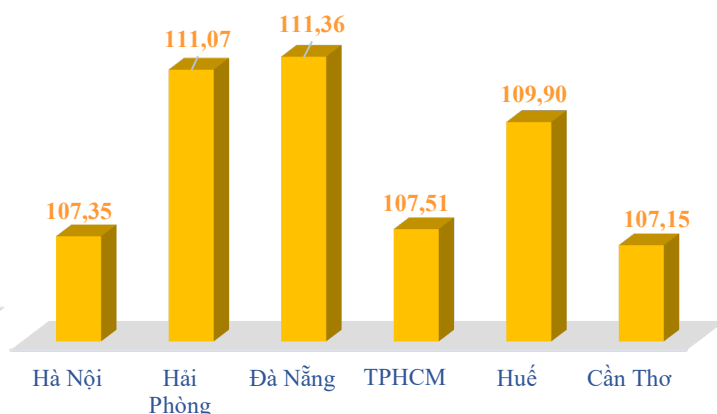


TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN (GRDP) (Tiếp)

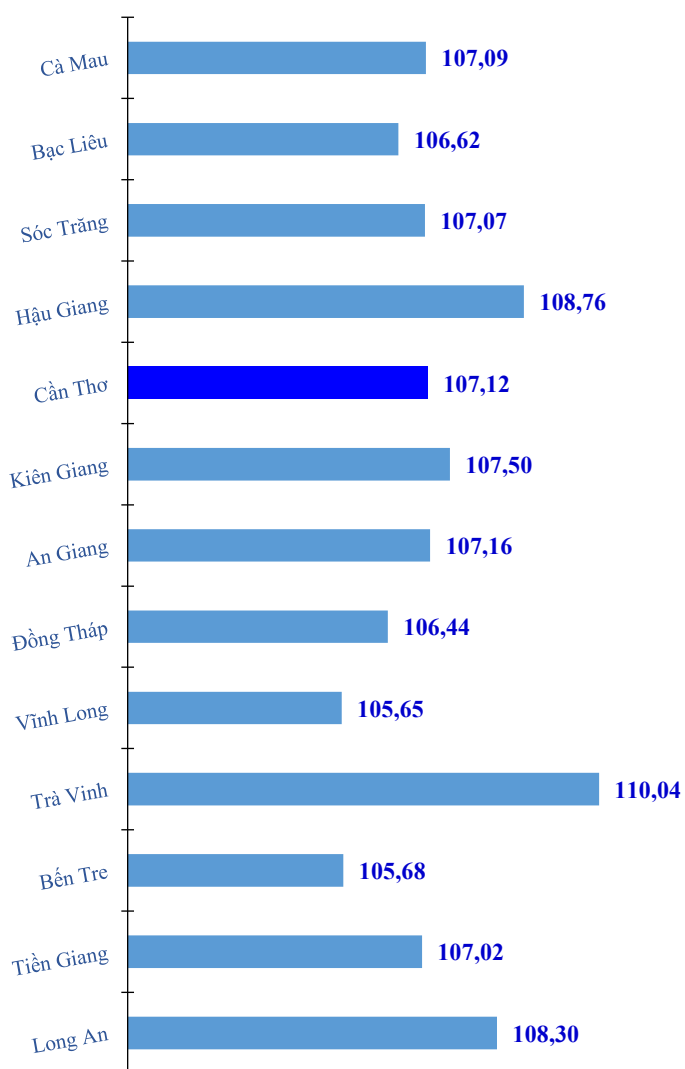
GRDP của 6 TP trực thuộc TW năm 2024
(theo năm, %)



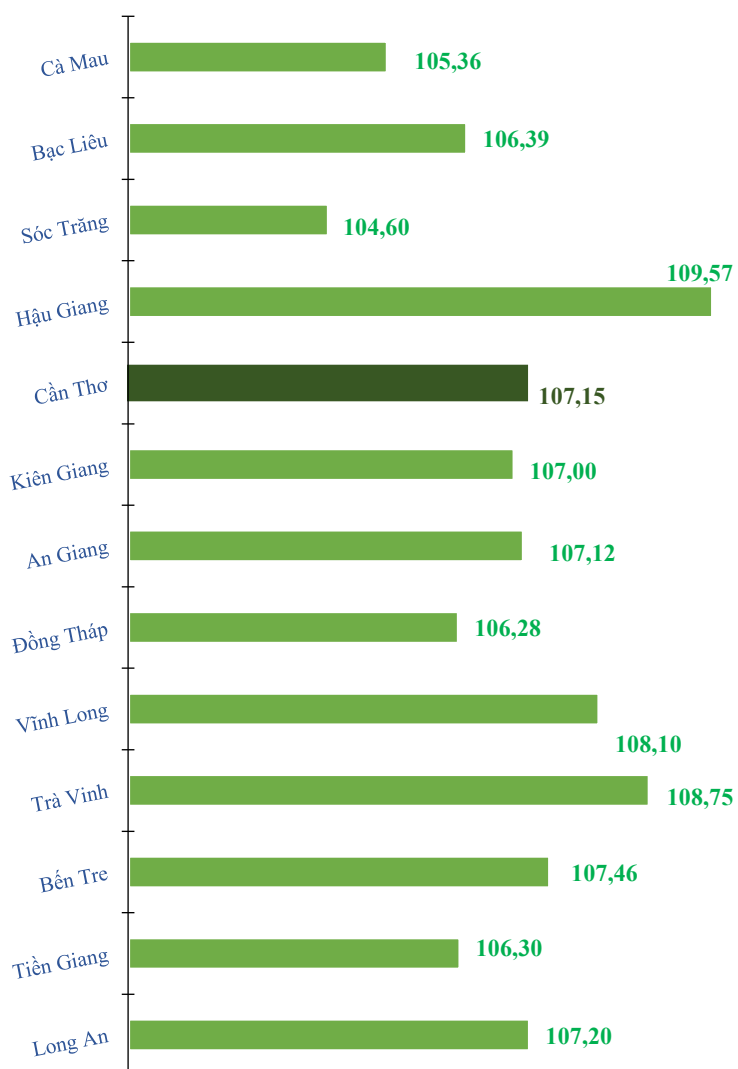
GRDP của 6 TP trực thuộc TW quý 1 năm 2025
(theo quý, %)



GRDP 13 tỉnh ĐBSCL năm 2024 (theo năm, %)



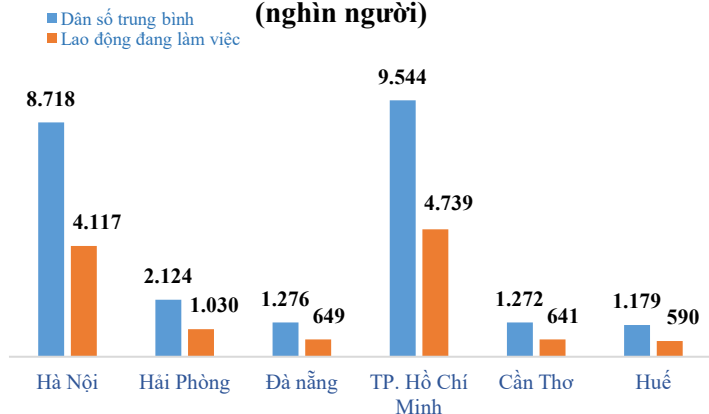
GRDP 13 tỉnh ĐBSCL quý 1 năm 2025 (theo quý, %)



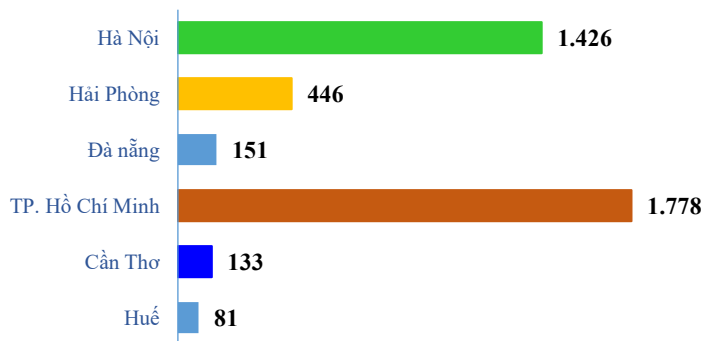


SỐ LIỆU KINH TẾ CHỦ YẾU 6 TP TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG ƯỚC NĂM 2024

**Dân số trung bình và lao động đang làm việc
(nghìn người)**



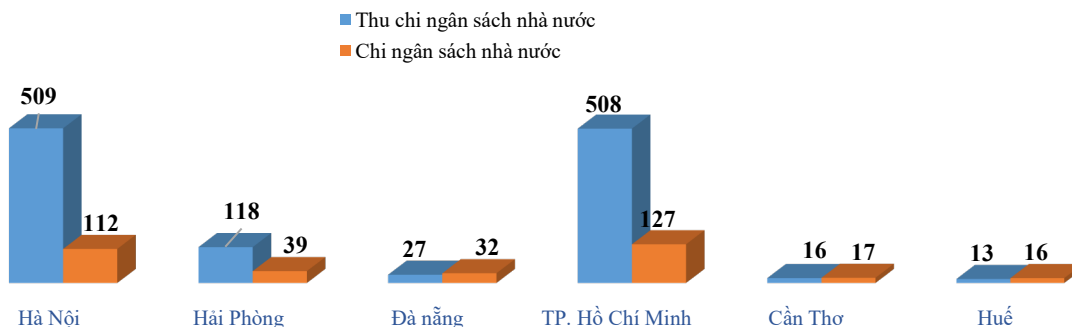
**Quy mô GRDP theo giá hiện hành
(nghìn tỷ đồng)**



Tốc độ phát triển GRDP (%)



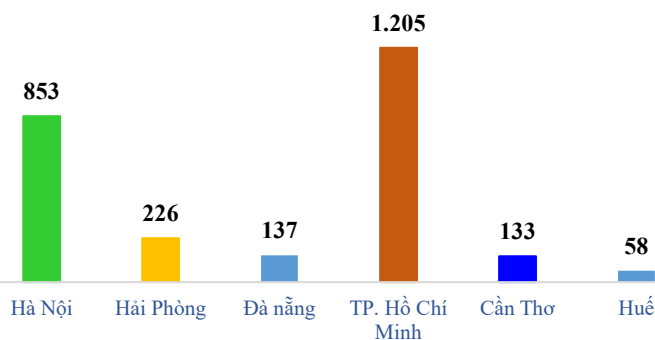
Thu - Chi ngân sách nhà nước (nghìn tỷ đồng)



Chỉ số giá tiêu dùng (%)



**Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu
dịch vụ tiêu dùng (nghìn tỷ đồng)**



Nguồn: Chi cục Thống kê 6 thành phố lớn



CỤC THỐNG KÊ
CHI CỤC THỐNG KÊ TP CẦN THƠ

SỔ LIỆU

KINH TẾ - XÃ HỘI

TP CẦN THƠ



<https://cucthongkecantho.gso.gov.vn>